NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 218 /QĐ-NHNN	*Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 22/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã (sau đây gọi là Thông tư số 22/2022/TT-NHNN);

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng (sau đây gọi là Thông tư số 24/2023/TT-NHNN);

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung quy định tại Thông tư số 22/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022

và Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2023 thực hiện tại bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2024. Quyết định này sửa đổi, bổ sung nội dung thủ tục hành chính có mã thủ tục hành chính số 1.003207, 1.003241,1.003072, 1.002797, 1.001898 được công bố tại Quyết định số 248/QĐ-NHNN ngày 5/2/2018; mã thủ tục hành chính số 1.001762 được công bố tại Quyết định số 394/QĐ-NHNN ngày 14/3/2018; mã thủ tục hành chính số 1.000763 được công bố tại Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 7/5/2018; mã thủ tục hành chính số 2.001370 được công bố tại Quyết định số 1814/QĐ-NHNN ngày 17/9/2018; mã thủ tục hành chính số 1.003085, 1.003076 được công bố tại Quyết định số 2044/QĐ-NHNN ngày 18/10/2018; mã thủ tục hành chính số 2.001316, 1.003151 được công bố tại Quyết định số 2044/QĐ-NHNN ngày 1/12/2020; mã thủ tục hành chính số 1.001660, 1.001579, 1.001644, 1.001559 được công bố tại Quyết định số 174/QĐ-NHNN ngày 8/2/2023; mã thủ tục hành chính số 1.001815, 1.001796, 1.001773, 2.000055 được công bố tại Quyết định số 658/QĐ-NHNN ngày 14/4/2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thống đốc (để báo cáo);
- PTĐ Đào Minh Tú;
- Cục KSTTHC – VPCP (để phối hợp);
- Lưu: VP,VP4.LTHVân, TTGSNH3.LHHạnh.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đào Minh Tú

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam					
1	2.001370	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng hợp tác xã	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
2	1.001815	Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
3	1.001796	Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

4	1.001773	Thủ tục cấp Giấy phép đối với trường hợp chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
5	1.001762	Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tài chính vi mô	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
6	1.001644	Chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của Ngân hàng Hợp tác xã	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
7	1.000763	Thủ tục mua bán, chuyển nhượng Phần vốn góp giữa thành viên góp vốn hiện tại và thành viên góp vốn mới (bên mua, bên nhận chuyển nhượng) của	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

		tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên			
8	1.003207	Thủ tục chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần ngoài các trường hợp tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
9	1.003241	Thủ tục chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

		khác theo quy định của pháp luật			
10	1.003072	Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng là chủ sở hữu mới	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
11	2.001316	Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
12	1.001660	Thủ tục đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ của Ngân hàng Hợp tác xã	Thông tư số 22/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố					
1	2.000055	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
2	1.001559	Chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của quỹ tín dụng nhân dân	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
3	1.003085	Chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại Quỹ tín dụng nhân dân	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
4	1.003076	Thủ tục đề nghị chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

			lập và hoạt động ngân hàng		
5	1.002797	Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn và bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông thường; mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
6	1.001898	Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn và bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn; mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến việc trở thành cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

		ngân hàng			
7	1.001579	Thủ tục đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân	Thông tư số 22/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
C. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố					
1	1.003151	Thủ tục chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng); Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

A. Thủ tục thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng hợp tác xã

1.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1.** Ngân hàng hợp tác xã dự kiến thành lập lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định gửi trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc dịch vụ bưu chính về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- **Bước 2**. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã dự kiến thành lập xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3**. Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày có văn bản xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoặc có văn bản từ chối cấp Giấy phép trong đó nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần hồ sơ:

1. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép do Chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng hợp tác xã dự kiến thành lập ký (Phụ lục số 03 Thông tư số 31/2012/TT-NHNN).

2. Điều lệ ngân hàng hợp tác xã.

3. Đề án thành lập ngân hàng hợp tác xã, trong đó nêu rõ:

a) Sự cần thiết thành lập ngân hàng hợp tác xã;

b) Tên ngân hàng hợp tác xã, địa điểm đặt trụ sở chính, thời hạn hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư số 31/2012/TT-NHNN.

c) Cơ cấu vốn góp của các thành viên, trong đó nêu rõ các thành viên góp vốn từ 05% vốn điều lệ trở lên;

d) Cơ cấu tổ chức, nhân sự dự kiến:

- Sơ đồ tổ chức nhân sự;

- Bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành, bao gồm:

+ Hội đồng quản trị: Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị;

+ Ban kiểm soát: Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, chuyên trách;

+ Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ ngân hàng hợp tác xã;

đ) Năng lực quản lý rủi ro: Các loại rủi ro dự kiến phát sinh trong quá trình hoạt động (rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản...) và biện pháp phòng ngừa, kiểm soát các loại rủi ro này;

e) Công nghệ thông tin:

- Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

- Khả năng, áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; cán bộ dự kiến và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

g) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động, việc cung cấp và phát triển các dịch vụ ngân hàng (phân tích rõ các dịch vụ dự kiến sẽ cung cấp, loại khách hàng...);

h) Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ:

- Nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ;

- Các quy định nội bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật các tổ chức tín dụng.

i) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, tối thiểu phải bao gồm: Dự kiến kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

4. Hồ sơ của những người dự kiến tham gia quản lý, kiểm soát và điều hành:

a) Danh sách nhân sự dự kiến tham gia quản lý, kiểm soát và điều hành;

b) Sơ yếu lý lịch (Phụ lục số 01 Thông tư số 24/2023/TT-NHNN), lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ

d) Báo cáo công khai lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 118 Luật Doanh nghiệp;

đ) Bản sao các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Hồ sơ của thành viên:

a) Danh sách các thành viên tham gia góp vốn vào ngân hàng hợp tác xã, trong đó có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên và địa điểm đặt trụ sở chính; Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương; số vốn góp, tỷ lệ vốn góp, thời hạn góp vốn;

- Họ và tên; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú); số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân đối với cá nhân là người đại diện theo pháp luật, người đại diện vốn góp của thành viên

b) Đơn đề nghị tham gia thành viên ngân hàng hợp tác xã;

c) Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc văn bản tương đương (đối với pháp nhân không phải là tổ chức tín dụng);

d) Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho tổ chức (trừ các quỹ tín dụng nhân dân) được góp vốn thành lập ngân hàng hợp tác xã (nếu có);

đ) Điều lệ (đối với pháp nhân không phải là tổ chức tín dụng)

e) Văn bản ủy quyền người đại diện pháp nhân (bao gồm cả đại diện phần vốn góp) tham gia là thành viên tại ngân hàng hợp tác xã theo quy định của pháp luật;

h) Bản kê khai người có liên quan của thành viên không phải là quỹ tín dụng nhân dân (Phụ lục số 02 Thông tư số 24/2023/TT-NHNN);

i) Báo cáo tài chính năm liền kế năm đề nghị thành lập ngân hàng hợp tác xã và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất nhưng không quá 90 ngày trở về trước tính từ thời điểm có văn bản đề nghị tham gia góp vốn (đối với pháp nhân không phải tổ chức tín dụng);

k) Bản kê khai nêu rõ về vốn góp, số cổ phần nắm giữ, tỷ lệ cổ phần của từng thành viên tại tổ chức tín dụng khác.

6. Văn bản xác nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt trụ sở chính.

7. Nghị quyết Đại hội thành viên đầu tiên về việc thành lập ngân hàng hợp tác xã.

8. Nghị quyết của Đại hội thành viên đầu tiên về việc bầu chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát.

9. Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc ngân hàng hợp tác xã.

1.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.5. Thời hạn giải quyết: 180 ngày kể từ ngày có văn bản xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp.

1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập ngân hàng Hợp tác xã.

1.9. Lệ phí: 140.000.000 đồng.

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép do Chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng hợp tác xã dự kiến thành lập ký (Phụ lục số 03 Thông tư số 31/2012/TT-NHNN);

- Mẫu sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

- Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ tại thời điểm đề nghị thành lập.

2. Các thành viên là quỹ tín dụng nhân dân và pháp nhân khác phải đáp ứng quy định sau:

2.1. Đối với quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tín dụng khác: Không thuộc đối tượng áp dụng kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 3 Điều 146 Luật các tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị tham gia là thành viên.

2.2. Đối với pháp nhân khác: Hoạt động kinh doanh có lãi trong năm liền kề năm đề nghị tham gia là thành viên.

2.3. Các đối tượng quy định tại các điểm 2.1, 2.2 nêu trên phải góp đủ vốn góp theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 31/2012/TT-NHNN ngày 26/11/2012, phải có đơn đề nghị và cử đại diện hợp pháp tham gia.

3. Người quản lý, điều hành và thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau: 3.1. Tiêu chuẩn đối với Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị

3.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau: a) Có thời gian công tác trong lĩnh vực ngân hàng từ 05 (năm) năm trở lên; b) Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành tại một tổ chức hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng từ 02 (hai) năm trở lên; c) Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật.

3.1.2. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau: a) Có thời gian công tác trong lĩnh vực ngân hàng từ 02 (hai) năm trở lên; b) Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành tại một tổ chức hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng từ 01 (một) năm trở lên; c) Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật.

3.1.3. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị không được là những đối tượng được quy định tại Điều 33 và Điều 34 Luật các tổ chức tín dụng.

3.2. Tiêu chuẩn đối với thành viên Ban kiểm soát

3.2.1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau: a) Có thời gian công tác ở một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng từ 03 (ba) năm trở lên; b) Có bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng.

3.2.2. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm và không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.

3.2.3. Thành viên Ban kiểm soát không được là những đối tượng được quy định tại Điều 33 và Điều 34 Luật các tổ chức tín dụng.

3.3. Tiêu chuẩn đối với Tổng giám đốc

3.3.1. Có thời gian giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành tại tổ chức hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng từ 03 (ba) năm trở lên;

3.3.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật.

3.3.3. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3.3.4. Không phải là đối tượng được quy định tại Điều 33 và Điều 34 Luật các tổ chức tín dụng.

4. Có Điều lệ phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 (ba) năm đầu hoạt động

1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

- Thông tư số 31/2012/TT-NHNN ngày 26/11/2012 quy định về Ngân hàng Hợp tác xã;

- Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân;

- Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;

- Thông tư 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

PHỤ LỤC SỐ 03

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2012/TT-NHNN ngày 26/11/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

…… ngày ……. tháng ……. năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Thông tư số ..../2012/TT-NHNN ngày ../../2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về ngân hàng hợp tác xã;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội thành viên ngày... tháng...năm... về việc……..;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày... tháng... năm.... về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc ngân hàng hợp tác xã;

Nay, Hội đồng quản trị …….. thay mặt các thành viên đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

I/ Cấp Giấy phép ngân hàng hợp tác xã sau đây:

1. Tên ngân hàng hợp tác xã:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt;

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có);

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có);

- Tên giao dịch (nếu có).

2. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax:

3. Địa bàn hoạt động:

4. Nội dung, phạm vi hoạt động:

5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ:

II/ Đăng ký Điều lệ ngân hàng hợp tác xã

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ ngân hàng hợp tác xã, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hồ sơ đính kèm

Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 01
Mẫu Sơ yếu lý lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu (4x6) đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh (nếu có).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam.
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.
- Tên, địa chỉ pháp nhân; số vốn góp, tỷ lệ vốn góp (trường hợp là người đại diện vốn góp của pháp nhân). Trường hợp là người được cử làm đại diện phần vốn hỗ trợ của Nhà nước tại Ngân hàng hợp tác xã, phải có thêm thông tin về tỷ lệ vốn góp được đại diện.

2. Trình độ học vấn:

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay[1]:

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)[2]	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú[3]

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính[4].

4. Mối quan hệ

STT	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân	Mối quan hệ với người khai[5]	Chức vụ tại ngân hàng hợp tác xã
1	Nguyễn Văn A		Anh ruột	
2	Nguyễn Thị B		Vợ	

5. Năng lực hành vi dân sự[6]

6. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh……. tại ngân hàng hợp tác xã.

- Thông báo cho ngân hàng hợp tác xã về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang xem xét đề nghị của ngân hàng hợp tác xã.

- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho ngân hàng hợp tác xã để trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày... tháng... năm ....

Người khai

(*Ký, ghi rõ họ tên*)[7]

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tín dụng là hợp tác xã về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

(2) Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

(3) Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

(i) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

(ii) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

(iii) Đơn vị theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(4) Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm đ, h khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(5) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(6) Ghi cụ thể: Đầy đủ/Hạn chế/Mất năng lực hành vi dân sự.

(7) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 02

Bảng kê khai người có liên quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và "người có liên quan" của người khai	Số CMND/ số định danh cá nhân/số Hộ chiếu; Số Giấy phép[1]	Mối quan hệ với người khai[2]	Đã tham gia góp vốn tổ chức tín dụng		Số vốn góp tại ngân hàng hợp tác xã khi thành lập
				Tên, địa chỉ tổ chức tín dụng	Tỷ lệ góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
I	**Tổ chức khai**					
1	Tổ chức A		Tổ chức khai			
II.	**Người có liên quan/tổ chức có liên quan**					
1.	Nguyễn Văn A/ Tổ chức B		Giám đốc/ Công ty con			
Tổng cộng					% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)	

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ và trung thực của các thông tin kê khai nêu trên.

...,ngày ... tháng ... năm .....
Người khai[3]
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam; Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương đối với tổ chức.

(2) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(3) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật. Người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu..

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

2. Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

2.1 Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ban trù bị lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc gửi Ngân hàng Nhà nước.

- Bước 2: Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trù bị xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.

- Bước 3:

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của:

(i) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô;

(ii) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thành viên sáng lập có thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô về hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô đối với sự phát triển của địa phương;

(iii) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô (nếu cần thiết);

(iv) Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về việc tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô của ngân hàng nước ngoài.

+ Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản tham gia ý kiến.

- Bước 4: Trong thời hạn 80 (tám mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô và chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trù bị, trong đó nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô, Ban trù bị lập hồ sơ đề nghị

cấp Giấy phép theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

- Bước 6: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ.

- Bước 7: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính.

2.3. Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép do người đại diện hợp pháp của chủ sở hữu ký theo mẫu tại Phụ lục số 01a ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN;

+ Dự thảo Điều lệ tổ chức tài chính vi mô;

+ Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô do Trưởng Ban trù bị ký, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

(i) Sự cần thiết thành lập, mục tiêu hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; tác động xã hội dự kiến của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn;

(ii) Tên tổ chức tài chính vi mô, địa bàn dự kiến hoạt động, địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

(iii) Các sản phẩm và dịch vụ dự kiến sẽ cung cấp cho khách hàng;

(iv) Cơ cấu tổ chức;

(v) Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh: Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức;

(vi) Dự kiến đầu tư tài chính cho hệ thống công nghệ thông tin và việc áp dụng công nghệ thông tin;

(vii) Dự kiến hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, tối thiểu bao gồm nguyên tắc hoạt động, dự thảo các quy định nội bộ quy định tại Khoản 2 Điều 93 Luật Các tổ chức tín dụng, dự thảo quy định về tổ chức, hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc);

(viii) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 (ba) năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm);

+ Hồ sơ của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô, bao gồm:

(i) Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ

(ii) Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với nhân sự không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp. Trường hợp người nước ngoài hiện cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 (sáu) tháng trở lên, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp lý lịch tư pháp tại nơi người nước ngoài đang tạm trú.

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 (sáu) tháng;

(iii) Bản kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 08a ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

(iv) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam;

(v) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ;

(vi) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-NHNN;

(vii) Trường hợp người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên phải có văn bản cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam;

+ Giấy phép thành lập của chủ sở hữu hoặc văn bản tương đương;

+ Điều lệ của chủ sở hữu;

+ Văn bản của chủ sở hữu cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ, mức vốn góp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

+ Văn bản của chủ sở hữu về việc thành lập Ban trù bị, bầu, chỉ định Trưởng Ban trù bị, thông qua dự thảo Điều lệ, Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách các chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát dự kiến.

- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép:

+ Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô đã được Hội đồng thành viên thông qua;

+ Quyết định của chủ sở hữu về việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

+ Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu Trưởng Ban kiểm soát.

2.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.5. Thời hạn giải quyết: 180 ngày từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

2.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô.

2.9. Lệ phí: 200.000 đồng.

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị theo Phụ lục số 01a ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN

+ Sơ yếu lý lịch của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

+ Bản kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 08a ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ.

2. Thành viên sáng lập của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải đảm bảo các điều kiện sau: a) Có ít nhất một thành viên sáng lập là tổ chức chính trị hoặc tổ chức chính trị - xã hội; b) Có ít nhất một thành viên sáng lập là tổ chức đã hoặc đang trực tiếp tham gia quản lý hoặc điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, bền vững trong ít nhất 03 (ba) năm liên tiếp trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép; c) Thành viên sáng lập là cá nhân: (i) Có quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; (ii) Không thuộc những đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép; (iii) Không phải là cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam; (iv) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản; d) Thành viên sáng lập là tổ chức Việt Nam: (i) Được thành lập theo pháp luật của Việt Nam; (ii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam; (iii) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản; (iv) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (v) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành,

cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép; (vi) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp phải hoạt động kinh doanh có lãi trong 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (vii) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (viii) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định liên quan của pháp luật; đ) Thành viên sáng lập là tổ chức nước ngoài: (i) Là ngân hàng nước ngoài; (ii) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng của nước nguyên xứ trong vòng 05 (năm) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép. (iii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam; (iv) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản.

3. Có người quản lý, điều hành, thành viên Ban kiểm soát đủ tiêu chuẩn, điều kiện sau:

3.1. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên

3.1.1. Thành viên Hội đồng thành viên tổ chức tài chính vi mô phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung); b) Có thời gian công tác ở một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật từ 02 (hai) năm trở lên và có bằng đại học trở lên; c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.1.2. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau: a) Đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm 3.1.1; b) Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành ở một đơn vị thuộc một trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính theo Điều lệ hoặc văn bản tương đương của đơn vị đó hoặc lãnh đạo cấp phòng hoặc chức danh

tương đương trở lên theo quy định của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ 02 (hai) năm trở lên hoặc có kinh nghiệm quản lý, điều hành tổ chức có hoạt động tài chính vi mô từ 03 (ba) năm trở lên.

3.2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát

3.2.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

3.2.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật và có ít nhất 01 (một) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan hoặc có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệp làm việc ở vị trí liên quan đến lĩnh vực tài chính vi mô.

3.2.3. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.2.4. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3.3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng Giám đốc (Giám đốc) Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

3.3.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

3.3.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật.

3.3.3. Có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm làm người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc ít nhất 02 (hai) năm làm Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật hoặc hoặc có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

3.3.4. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm

hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bổ nhiệm.

3.3.5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3.4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh

3.4.1. Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung); Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng.

3.4.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực này và có ít nhất 02 (hai) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

3.4.3. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.4.4. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Có Điều lệ không được trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017 và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Điều lệ phải có nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính; b) Nội dung, phạm vi hoạt động; c) Thời hạn hoạt động; d) Vốn điều lệ, phương thức góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ; đ) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát; e) Thể thức bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát; g) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; của cổ đông sáng lập đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần; h) Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; quyền, nghĩa vụ của cổ đông đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần; i) Người đại diện theo pháp luật; k) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ; l) Thể thức thông qua quyết định của tổ chức tín dụng; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ; m) Căn cứ,

phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát; n) Các trường hợp giải thể; o) Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

5. Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 (ba) năm đầu hoạt động.

2.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

- Thông tư 03/2018/TT-NHNN ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

- Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

- Thông tư 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

PHỤ LỤC SỐ 01A

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……. ngày….. tháng….. năm……

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số /20.. /TT-NHNN ngày.../.../20.. của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô;

Căn cứ Biên bản cuộc họp thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là (tên tổ chức) ngày... tháng...năm... về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô……..;

Các thành viên sáng lập (hoặc chủ sở hữu) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô với các nội dung sau đây:

1. Tên Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt;

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có);

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có);

- Tên giao dịch (nếu có).

2. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số fax,

3. Địa bàn hoạt động:

4. Nội dung hoạt động: (ghi rõ các nội dung đề nghị)

5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ:

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô.

……, ngày.... tháng..... năm…….

Các thành viên sáng lập (hoặc chủ sở hữu) tổ chức tài chính vi mô……
(Thành viên sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên, thành viên sáng lập là pháp nhân (hoặc chủ sở hữu) do người đại diện theo pháp luật ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên).

Phụ lục số 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 02

Mẫu Sơ yếu lý lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu (4x6) đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh (nếu có).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam.
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.
- Tên, địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện; số vốn góp và tỷ lệ vốn góp (trường hợp thành viên góp vốn là pháp nhân).

2. Trình độ học vấn:

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay[(1)]:

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)(2)	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú(3)

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính(4).

4. Năng lực hành vi dân sự(5)

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh……. tại Tổ chức tài chính vi mô……(6)

- Thông báo cho Tổ chức tài chính vi mô…… về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang xem xét đề nghị của Tổ chức tài chính vi mô……(7)

- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho tổ chức tài chính vi mô là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày... tháng... năm ....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)(8)

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tài chính vi mô về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

(2) Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

(3) Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

(i) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

(ii) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

(iii) Đơn vị theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(4) Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm đ, h khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(5) Ghi cụ thể:

(i) Đầy đủ/Hạn chế/Mất năng lực hành vi dân sự.

(ii) Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

(6), (7): Cam kết khi khai thông tin để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến.

(8) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 08a

Bảng kê khai người có liên quan sử dụng khi đề nghị chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và "người có liên quan" của người khai	Số CMND/số định danh cá nhân/số Hộ chiếu (1)	Mối quan hệ với người khai(2)	Chức vụ tại tổ chức tài chính vi mô đề nghị
I	**Người kê khai**			
1	Nguyễn Văn A		Người khai	
II	**Người có liên quan**			
2	Nguyễn Thị B		Vợ	

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm.....
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)(3)

Ghi chú:

(1) Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.

(2) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(3) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

3. Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

3.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ban trù bị lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

- Bước 2: Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trù bị xác nhận đã đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của:

(i) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô;

(ii) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thành viên sáng lập thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô về hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô đối với sự phát triển của địa phương;

(iii) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô (nếu cần thiết);

(iv) Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về việc tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô của ngân hàng nước ngoài.

+ Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản tham gia ý kiến.

- Bước 4: Trong thời hạn 80 (tám mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô và chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trù bị, trong đó nêu rõ lý do.

- Bước 5:

+ Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô, Ban trù bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy

phép theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ.

- **Bước 6:** Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- **Bước 7:** Sau khi được cấp Giấy phép, tổ chức tài chính vi mô tiến hành các thủ tục cần thiết để khai trương hoạt động theo quy định.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính**.**

3.3. Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép do các thành viên sáng lập ký theo mẫu tại Phụ lục số 01a ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN;

+ Dự thảo Điều lệ tổ chức tài chính vi mô;

+ Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô do Trưởng Ban trù bị ký, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

(i) Sự cần thiết thành lập, mục tiêu hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; tác động xã hội dự kiến của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn;

(ii) Tên tổ chức tài chính vi mô, địa bàn dự kiến hoạt động, địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

(iii) Các sản phẩm và dịch vụ dự kiến sẽ cung cấp cho khách hàng;

(iv) Cơ cấu tổ chức;

(v) Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh: Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức;

(vi) Dự kiến đầu tư tài chính cho hệ thống công nghệ thông tin và việc áp dụng công nghệ thông tin;

(vii) Dự kiến hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, tối thiểu bao gồm nguyên tắc hoạt động, dự thảo các quy định nội bộ quy định tại Khoản 2 Điều 93 Luật Các tổ chức tín dụng, dự thảo quy định về tổ chức, hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc);

(viii) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 (ba) năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm);

+ Hồ sơ của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô, bao gồm:

(i) Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

(ii) Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với nhân sự không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp. Trường hợp người nước ngoài hiện cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 (sáu) tháng trở lên, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp lý lịch tư pháp tại nơi người nước ngoài đang tạm trú.

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 (sáu) tháng;

(iii) Bản kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 08a ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

(iv) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam;

(v) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ;

(vi) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này;

(vii) Trường hợp người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên phải có văn bản cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam;

+ Danh sách thành viên sáng lập do Trưởng Ban trù bị ký, trong đó bao gồm các nội dung:

(i) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân;

(ii) Đối với thành viên sáng lập là tổ chức: Tên tổ chức, số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và người đại diện vốn góp của tổ chức đó tại tổ chức tài chính vi mô;

(iii) Mức vốn góp (ghi rõ số vốn bằng đồng Việt Nam, bằng tài sản khác và tỷ lệ góp vốn của từng thành viên);

(iv) Phương án góp vốn (nêu rõ phương thức, tiến độ góp vốn);

+ Hồ sơ của thành viên sáng lập là tổ chức:

(i) Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;

(ii) Văn bản của các thành viên góp vốn cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ, mức vốn góp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

(iii) Điều lệ của tổ chức tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô;

(iv) Văn bản ủy quyền người đại diện phần vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật;

(v) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và người đại diện vốn góp của tổ chức đó tại tổ chức tài chính vi mô;

(vi) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất (báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc báo cáo năm chưa kiểm toán) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vii) Báo cáo hoạt động trong 02 (hai) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của thành viên góp vốn không phải là doanh nghiệp;

(viii) Tài liệu chứng minh đã hoặc đang tham gia quản lý chương trình, dự án tài chính vi mô và hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án đó;

(ix) Ngoài những thành phần hồ sơ nêu trên, tổ chức là ngân hàng nước ngoài phải cung cấp thêm văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về ngân hàng nước ngoài như sau: Nội dung hoạt động được phép tại nước nguyên xứ tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng trong 05 (năm) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

+ Hồ sơ của thành viên sáng lập là cá nhân:

(i) Sơ yếu lý lịch, bản kê khai người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục số 07, Phụ lục số 08b ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

(ii) Lý lịch tư pháp trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 (sáu) tháng;

(iii) Văn bản cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

+ Biên bản Cuộc họp thành viên sáng lập về việc thành lập Ban trù bị, Trưởng Ban trù bị, thông qua dự thảo Điều lệ, Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh

sách các chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát dự kiến.

- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép:

+ Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô đã được Hội đồng thành viên thông qua;

+ Biên bản cuộc họp Thành viên góp vốn đầu tiên;

+ Biên bản họp Hội đồng thành viên thông qua các nội dung về việc bầu Chủ tịch Hội đồng thành viên; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu Trưởng Ban kiểm soát;

+ Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng.

3.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

3.5. Thời hạn giải quyết: 180 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

3.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

3.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

3.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô.

3.9. Lệ phí: 200.000 đồng.

3.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị theo Phụ lục số 01a ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN.

- Sơ yếu lý lịch của thành viên sáng lập là cá nhân theo mẫu tại Phụ lục số 07 và Phụ lục số 08b ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

- Sơ yếu lý lịch của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

- Bản kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 08a ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

3.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ.

2. Thành viên sáng lập của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải đảm bảo các điều kiện sau: a) Có ít nhất một thành

viên sáng lập là tổ chức chính trị hoặc tổ chức chính trị - xã hội; b) Có ít nhất một thành viên sáng lập là tổ chức đã hoặc đang trực tiếp tham gia quản lý hoặc điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, bền vững trong ít nhất 03 (ba) năm liên tiếp trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép; c) Thành viên sáng lập là cá nhân: (i) Có quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; (ii) Không thuộc những đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép; (iii) Không phải là cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam; (iv) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản; d) Thành viên sáng lập là tổ chức Việt Nam: (i) Được thành lập theo pháp luật của Việt Nam; (ii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam; (iii) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản; (iv) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (v) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép; (vi) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp phải hoạt động kinh doanh có lãi trong 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (vii) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (viii) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định liên quan của pháp luật; đ) Thành viên sáng lập là tổ chức nước ngoài: (i) Là ngân hàng nước ngoài; (ii) Không vi phạm nghiêm

trọng các quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng của nước nguyên xứ trong vòng 05 (năm) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép. (iii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam; (iv) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản.

3. Có người quản lý, điều hành, thành viên Ban kiểm soát đủ tiêu chuẩn, điều kiện sau:

3.1. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên

3.1.1. Thành viên Hội đồng thành viên tổ chức tài chính vi mô phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung); b) Có thời gian công tác ở một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật từ 02 (hai) năm trở lên và có bằng đại học trở lên; c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.1.2. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau: a) Đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm 3.1.1; b) Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành ở một đơn vị thuộc một trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính theo Điều lệ hoặc văn bản tương đương của đơn vị đó hoặc lãnh đạo cấp phòng hoặc chức danh tương đương trở lên theo quy định của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ 02 (hai) năm trở lên hoặc có kinh nghiệm quản lý, điều hành tổ chức có hoạt động tài chính vi mô từ 03 (ba) năm trở lên.

3.2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát

3.2.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

3.2.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật và có ít nhất 01 (một) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan hoặc có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệp làm việc ở vị trí liên quan đến lĩnh vực tài chính vi mô.

3.2.3. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.2.4. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3.3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng Giám đốc (Giám đốc) Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

3.3.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

3.3.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật.

3.3.3. Có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm làm người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc ít nhất 02 (hai) năm làm Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật hoặc hoặc có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

3.3.4. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bổ nhiệm.

3.3.5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3.4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh

3.4.1. Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung); Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng.

3.4.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực này và

có ít nhất 02 (hai) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

3.4.3. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.4.4. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Có Điều lệ không được trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017 và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Điều lệ phải có nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính; b) Nội dung, phạm vi hoạt động; c) Thời hạn hoạt động; d) Vốn điều lệ, phương thức góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ; đ) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát; e) Thể thức bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát; g) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; của cổ đông sáng lập đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần; h) Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; quyền, nghĩa vụ của cổ đông đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần; i) Người đại diện theo pháp luật; k) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ; l) Thể thức thông qua quyết định của tổ chức tín dụng; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ; m) Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát; n) Các trường hợp giải thể; o) Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

5. Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 (ba) năm đầu hoạt động.

3.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

- Thông tư 03/2018/TT-NHNN ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

- Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

- Thông tư 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

PHỤ LỤC SỐ 01A

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……. ngày….. tháng….. năm……

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số /20.. /TT-NHNN ngày.../.../20.. của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô;

Căn cứ Biên bản cuộc họp thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là (tên tổ chức) ngày... tháng...năm... về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô……..;

Các thành viên sáng lập (hoặc chủ sở hữu) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô với các nội dung sau đây:

1. Tên Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt;

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có);

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có);

- Tên giao dịch (nếu có).

2. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số fax,

3. Địa bàn hoạt động:

4. Nội dung hoạt động: (ghi rõ các nội dung đề nghị)

5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ:

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô.

……, ngày.... tháng..... năm…….

Các thành viên sáng lập (hoặc chủ sở hữu) tổ chức tài chính vi mô……
(Thành viên sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên, thành viên sáng lập là pháp nhân (hoặc chủ sở hữu) do người đại diện theo pháp luật ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên).

Phụ lục số 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 02

Mẫu Sơ yếu lý lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu (4x6) đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh (nếu có).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam.
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.
- Tên, địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện; số vốn góp và tỷ lệ vốn góp (trường hợp thành viên góp vốn là pháp nhân).

2. Trình độ học vấn:

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay[(1)]:

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)(2)	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú(3)

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính(4).

4. Năng lực hành vi dân sự(5)

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh……. tại Tổ chức tài chính vi mô……(6)

- Thông báo cho Tổ chức tài chính vi mô…… về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang xem xét đề nghị của Tổ chức tài chính vi mô……(7)

- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho tổ chức tài chính vi mô là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày... tháng... năm ....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)(8)

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tài chính vi mô về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

(2) Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

(3) Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

(i) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

(ii) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

(iii) Đơn vị theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(4) Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm đ, h khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(5) Ghi cụ thể:

(i) Đầy đủ/Hạn chế/Mất năng lực hành vi dân sự.

(ii) Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

(6), (7): Cam kết khi khai thông tin để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến.

(8) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 08a

Bảng kê khai người có liên quan sử dụng khi đề nghị chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và "người có liên quan" của người khai	Số CMND/số định danh cá nhân/số Hộ chiếu (1)	Mối quan hệ với người khai(2)	Chức vụ tại tổ chức tài chính vi mô đề nghị
I	**Người kê khai**			
1	Nguyễn Văn A		Người khai	
II	**Người có liên quan**			
2	Nguyễn Thị B		Vợ	

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm.....
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)(3)

Ghi chú:

(1) Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.

(2) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(3) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 08b

Bảng kê khai người có liên quan sử dụng khi đề nghị xem xét điều kiện thành viên góp vốn là cá nhân

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và "người có liên quan" của người khai	Số CMND/ số định danh cá nhân/số Hộ chiếu; Số Giấy phép[1]	Mối quan hệ với người khai[2]	Đã tham gia góp vốn tổ chức tín dụng		Số vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô khi thành lập
				Tên, địa chỉ tổ chức tín dụng	Tỷ lệ góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
I	**Người kê khai**					
1	Nguyễn Văn A		Người khai			
II.	**Người có liên quan/Tổ chức có liên quan**					
1	Nguyễn Thị B		Vợ			
2	Công ty X		Là công ty do ông A là Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc (Giám đốc),…			
Tổng cộng					% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)	

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ và trung thực của các thông tin kê khai nêu trên.

...,ngày ... tháng ... năm .....
Người khai(3)
(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam; Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương đối với tổ chức.

(2) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(3) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật. Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

4. Thủ tục cấp Giấy phép đối với trường hợp chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô

4.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước.

- **Bước 2:** Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô;

+ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô đang thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô về hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô đối với sự phát triển của địa phương;

+ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô (nếu cần thiết);

+ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi chương trình, dự án tài chính vi mô đề nghị chuyển đổi có các đơn vị trực thuộc đang hoạt động về việc đáp ứng các quy định về mạng lưới hoạt động;

+ Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về việc tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô của ngân hàng nước ngoài.

- **Bước 4:** Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản tham gia ý kiến.

- **Bước 5:** Trong thời hạn 80 (tám mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép; chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc); chấp thuận về mạng lưới hoạt động (trong trường hợp đáp ứng các quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô); trường hợp không cấp Giấy

phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- **Bước 6:** Sau khi được cấp Giấy phép, tổ chức tài chính vi mô thông báo tới các chủ nợ, khách hàng gửi tiền tại chương trình, dự án tài chính vi mô về việc được cấp Giấy phép; ban hành các quy định nội bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô; bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) theo danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận và tiến hành các thủ tục cần thiết để khai trương hoạt động theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính

4.3. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục số 01b ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN do người đại diện hợp pháp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô ký (trong trường hợp chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thành tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) hoặc do các thành viên góp vốn ký (trong trường hợp chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thành tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên), trong đó cam kết tổ chức tài chính vi mô hình thành từ việc chuyển đổi kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ có liên quan của chương trình, dự án tài chính vi mô được chuyển đổi.

- Hồ sơ, giấy tờ chứng minh việc bàn giao vốn cho tổ chức thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

- Cam kết của người đại diện hợp pháp của tổ chức thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô về số vốn của chương trình, dự án tài chính vi mô. Chương trình, dự án tài chính vi mô phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về biến động làm ảnh hưởng đến giá trị của số vốn này cho đến khi được cấp Giấy phép.

- Văn bản của các thành viên góp vốn cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ, mức vốn góp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp.

- Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 (ba) năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược và kế hoạch kinh doanh, các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo

cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

- Hồ sơ, tài liệu chứng minh đáp ứng các quy định về mạng lưới hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô trong trường hợp chương trình, dự án tài chính vi mô có hoạt động từ 02 (hai) tỉnh, thành phố trở lên.

- Dự thảo các quy định nội bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô.

- Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

+ Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng thành viên;

+ Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát;

+ Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức.

- Dự thảo Điều lệ tổ chức tài chính vi mô;

- Hồ sơ của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô, bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với nhân sự không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến

Việt Nam cấp. Trường hợp người nước ngoài hiện cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 (sáu) tháng trở lên, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp lý lịch tư pháp tại nơi người nước ngoài đang tạm trú.

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 (sáu) tháng;

+ Bản kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 08a ban hành kèm theo Thông tư này;

+ Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ;

+ Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-NHNN;

+ Trường hợp người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên phải có văn bản cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam;

- Đối với chương trình, dự án tài chính vi mô chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, phải nộp thêm:

+ Báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập xác định tài sản có, nợ phải trả của chương trình, dự án tài chính vi mô;

+ Báo cáo tình hình hoạt động năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của chương trình, dự án tài chính vi mô, trong đó báo cáo tóm tắt về cơ cấu tổ chức, tình hình tài chính và các dịch vụ hiện đang cung cấp cho khách hàng;

+ Giấy phép thành lập của chủ sở hữu hoặc văn bản tương đương;

+ Điều lệ của chủ sở hữu;

+ Văn bản của chủ sở hữu cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ, mức vốn góp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

+ Văn bản của chủ sở hữu về việc thành lập Ban trù bị, bầu, chỉ định Trưởng Ban trù bị, thông qua dự thảo Điều lệ, Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách các chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát dự kiến.

- Đối với chương trình, dự án tài chính vi mô chuyển đổi thành tổ chức tài

chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, phải nộp thêm thành phần hồ sơ:

+ Danh sách thành viên sáng lập do Trưởng Ban trù bị ký, trong đó bao gồm các nội dung:

(i) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân;

(ii) Đối với thành viên sáng lập là tổ chức: Tên tổ chức, số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và người đại diện vốn góp của tổ chức đó tại tổ chức tài chính vi mô;

(iii) Mức vốn góp (ghi rõ số vốn bằng đồng Việt Nam, bằng tài sản khác và tỷ lệ góp vốn của từng thành viên);

(iv) Phương án góp vốn (nêu rõ phương thức, tiến độ góp vốn);

+ Hồ sơ của thành viên sáng lập là tổ chức:

(i) Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;

(ii) Văn bản của các thành viên góp vốn cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ, mức vốn góp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

(iii) Điều lệ của tổ chức tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô;

(iv) Văn bản ủy quyền người đại diện phần vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật;

(v) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và người đại diện vốn góp của tổ chức đó tại tổ chức tài chính vi mô;

(vi) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất (báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc báo cáo năm chưa kiểm toán) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vii) Báo cáo hoạt động trong 02 (hai) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của thành viên góp vốn không phải là doanh nghiệp;

(viii) Tài liệu chứng minh đã hoặc đang tham gia quản lý chương trình, dự án tài chính vi mô và hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án đó;

(ix) Ngoài những thành phần hồ sơ nêu trên, tổ chức là ngân hàng nước ngoài phải cung cấp thêm văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về ngân hàng nước ngoài như sau: Nội dung hoạt động được phép tại nước nguyên xứ tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng trong 05 (năm) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

+ Hồ sơ của thành viên sáng lập là cá nhân:

(i) Sơ yếu lý lịch, bản kê khai người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục số 07, Phụ lục số 08b ban hành kèm theo Thông tư này;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ

(ii) Lý lịch tư pháp trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 (sáu) tháng;

(iii) Văn bản cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

+ Biên bản Cuộc họp thành viên sáng lập về việc thành lập Ban trù bị, Trưởng Ban trù bị, thông qua dự thảo Điều lệ, Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách các chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát dự kiến.

4.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4.5. Thời hạn giải quyết: 80 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

4.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chương trình, dự án tài chính vi mô chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô.

4.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

4.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập và hoạt động Tổ chức tài chính vi mô

4.9. Lệ phí: 200.000 đồng.

4.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị theo Phụ lục số 01b ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN.

- Sơ yếu lý lịch của thành viên sáng lập là cá nhân theo mẫu tại Phụ lục số 07 và Phụ lục số 08b ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

- Sơ yếu lý lịch của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

- Bản kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 08a ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

4.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ.

2. Có chủ sở hữu, thành viên sáng lập đáp ứng quy định sau:

2.1. Chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải đảm bảo các điều kiện sau: a) Là tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện có chương trình, dự án tài chính vi mô được chuyển đổi theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ; b) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản; c) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam.

2.2. Thành viên sáng lập của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải đảm bảo các điều kiện sau: a) Có ít nhất một thành viên sáng lập là tổ chức chính trị hoặc tổ chức chính trị - xã hội; b) Có ít nhất một thành viên sáng lập là tổ chức đã hoặc đang trực tiếp tham gia quản lý hoặc điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, bền vững trong ít nhất 03 (ba) năm liên tiếp trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép; c) Thành viên sáng lập là cá nhân: (i) Có quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy

định của pháp luật; (ii) Không thuộc những đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép; (iii) Không phải là cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam; (iv) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản; d) Thành viên sáng lập là tổ chức Việt Nam: (i) Được thành lập theo pháp luật của Việt Nam; (ii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam; (iii) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản; (iv) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (v) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép; (vi) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp phải hoạt động kinh doanh có lãi trong 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (vii) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (viii) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định liên quan của pháp luật; đ) Thành viên sáng lập là tổ chức nước ngoài: (i) Là ngân hàng nước ngoài; (ii) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng của nước nguyên xứ trong vòng 05 (năm) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép. (iii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam; (iv) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng

vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản.

3. Có người quản lý, điều hành, thành viên Ban kiểm soát đủ tiêu chuẩn, điều kiện sau:

3.1. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên

3.1.1. Thành viên Hội đồng thành viên tổ chức tài chính vi mô phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung); b) Có thời gian công tác ở một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật từ 02 (hai) năm trở lên và có bằng đại học trở lên; c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.1.2. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau: a) Đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm 3.1.1; b) Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành ở một đơn vị thuộc một trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính theo Điều lệ hoặc văn bản tương đương của đơn vị đó hoặc lãnh đạo cấp phòng hoặc chức danh tương đương trở lên theo quy định của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ 02 (hai) năm trở lên hoặc có kinh nghiệm quản lý, điều hành tổ chức có hoạt động tài chính vi mô từ 03 (ba) năm trở lên.

3.2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát

3.2.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

3.2.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật và có ít nhất 01 (một) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan hoặc có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệp làm việc ở vị trí liên quan đến lĩnh vực tài chính vi mô.

3.2.3. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm

hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.2.4. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3.3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng Giám đốc (Giám đốc) Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

3.3.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

3.3.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật.

3.3.3. Có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm làm người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc ít nhất 02 (hai) năm làm Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật hoặc hoặc có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

3.3.4. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bổ nhiệm.

3.3.5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3.4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh

3.4.1. Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung); Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng.

3.4.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực này và có ít nhất 02 (hai) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

3.4.3. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị,

điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm được bầu.

3.4.4. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Có Điều lệ không được trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017 và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Điều lệ phải có nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính; b) Nội dung, phạm vi hoạt động; c) Thời hạn hoạt động; d) Vốn điều lệ, phương thức góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ; đ) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát; e) Thể thức bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát; g) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; của cổ đông sáng lập đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần; h) Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; quyền, nghĩa vụ của cổ đông đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần; i) Người đại diện theo pháp luật; k) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ; l) Thể thức thông qua quyết định của tổ chức tín dụng; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ; m) Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát; n) Các trường hợp giải thể; o) Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

5. Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 (ba) năm đầu hoạt động.

4.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

- Thông tư 03/2018/TT-NHNN ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

- *Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dâ*n cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

- Thông tư 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

PHỤ LỤC SỐ 01B

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG TRƯỜNG HỢP THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ TRÊN CƠ SỞ CHUYỂN ĐỔI CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TÀI CHÍNH VI MÔ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……..ngày….. tháng…… năm……

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số /20.. /TT-NHNN ngày …/.../20.. của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô;

Căn cứ Biên bản cuộc họp thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là (tên tổ chức) ngày... tháng...năm... về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô……;

…….(Tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ, hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô đề nghị chuyển đổi) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô với các nội dung sau đây:

1. Tên Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt;

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có);

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có);

- Tên giao dịch (nếu có).

2. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số fax,

3. Địa bàn hoạt động:

4. Nội dung hoạt động: (ghi rõ các nội dung đề nghị)

5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ:

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ có liên quan của chương trình, dự án tài chính vi mô... (tên chương trình, dự án tài chính vi mô).

- Thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô.

……..., ngày… tháng..... năm….

Người đại diện hợp pháp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô đề nghị chuyển đổi ký (trong trường hợp chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thành tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) hoặc các thành viên góp vốn ký (trong trường hợp chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thành tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên).

(Thành viên sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ tên, thành viên sáng lập là pháp nhân do người đại diện theo pháp luật ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên).

Phụ lục số 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 02

Mẫu Sơ yếu lý lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu (4x6) đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh (nếu có).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam.
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.
- Tên, địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện; số vốn góp và tỷ lệ vốn góp (trường hợp thành viên góp vốn là pháp nhân).

2. Trình độ học vấn:

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay[(1)]:

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)(2)	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú(3)

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính(4).

4. Năng lực hành vi dân sự(5)

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh……. tại Tổ chức tài chính vi mô……(6)

- Thông báo cho Tổ chức tài chính vi mô…… về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang xem xét đề nghị của Tổ chức tài chính vi mô……(7)

- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho tổ chức tài chính vi mô là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày... tháng... năm ....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)(8)

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tài chính vi mô về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

(2) Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

(3) Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

(i) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

(ii) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

(iii) Đơn vị theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(4) Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm đ, h khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(5) Ghi cụ thể:

(i) Đầy đủ/Hạn chế/Mất năng lực hành vi dân sự.

(ii) Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

(6), (7): Cam kết khi khai thông tin để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến.

(8) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 08a

Bảng kê khai người có liên quan sử dụng khi đề nghị chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và "người có liên quan" của người khai	Số CMND/số định danh cá nhân/số Hộ chiếu (1)	Mối quan hệ với người khai(2)	Chức vụ tại tổ chức tài chính vi mô đề nghị
I	**Người kê khai**			
1	Nguyễn Văn A		Người khai	
II	**Người có liên quan**			
2	Nguyễn Thị B		Vợ	

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm.....
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)(3)

Ghi chú:

(1) Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.

(2) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(3) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 08b

Bảng kê khai người có liên quan sử dụng khi đề nghị xem xét điều kiện thành viên góp vốn là cá nhân

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và "người có liên quan" của người khai	Số CMND/ số định danh cá nhân/số Hộ chiếu; Số Giấy phép[1]	Mối quan hệ với người khai[2]	Đã tham gia góp vốn tổ chức tín dụng		Số vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô khi thành lập
				Tên, địa chỉ tổ chức tín dụng	Tỷ lệ góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
I	**Người kê khai**					
1	Nguyễn Văn A		Người khai			
II.	**Người có liên quan/Tổ chức có liên quan**					
1	Nguyễn Thị B		Vợ			
2	Công ty X		Là công ty do ông A là Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc (Giám			

			đốc),…			
Tổng cộng					% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)	

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ và trung thực của các thông tin kê khai nêu trên.

...,ngày ... tháng ... năm .....
Người khai(3)
(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam; Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương đối với tổ chức.

(2) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(3) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật. Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

5. Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tài chính vi mô

5.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày dự kiến bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), tổ chức tài chính vi mô lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự.

- Bước 2: Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Tổ chức tài chính vi mô phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách những người được bầu, bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính.

5.3. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

+ Lý do của việc bầu, bổ nhiệm nhân sự;

+ Danh sách dự kiến nhân sự, trong đó nêu rõ: họ và tên, chức danh hiện tại (tại tổ chức tài chính vi mô và/hoặc doanh nghiệp, tổ chức khác - nếu có) và chức danh dự kiến bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tài chính vi mô;

+ Cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát hiện tại và dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm của tổ chức tài chính vi mô (đối với trường hợp đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự giữ chức danh thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát). Trong đó, nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng thành viên; số lượng thành viên Ban kiểm soát; số lượng thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát;

+ Cam kết nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô.

- Văn bản thông qua danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tài chính vi mô (đối với nhân sự Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát phải nêu rõ nhiệm kỳ), cụ thể:

+ Đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: văn bản của người đại diện hợp pháp của chủ sở hữu;

+ Đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

(i) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát: Văn bản của người đại diện hợp pháp của các thành viên góp vốn;

(ii) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc): Nghị quyết của Hội đồng thành viên.

- Sơ yếu lý lịch của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm:

+ Đối với trường hợp nhân sự có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Đối với nhân sự không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp. Trường hợp người nước ngoài hiện cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 (sáu) tháng trở lên, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp lý lịch tư pháp tại nơi người nước ngoài đang tạm trú.

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 (sáu) tháng.

- Bản kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 08a ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

- Các tài liệu khác chứng minh về việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện nhân sự theo quy định, có thể bao gồm một hoặc một số các tài liệu sau:

+ Các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự dự

kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan;

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật trong trường hợp nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm là cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên hoặc là sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô đã từng công tác (nếu có mức vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật).

5.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

5.5. Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tài chính vi mô.

5.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

5.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tài chính vi mô.

5.9. Lệ phí: Không.

5.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Sơ yếu lý lịch của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

+ Bản kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 08a ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

5.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

5.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

- Thông tư 03/2018/TT-NHNN ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

- *Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.*

Phụ lục số 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 02

Mẫu Sơ yếu lý lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu (4x6) đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh (nếu có).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam.
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.
- Tên, địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện; số vốn góp và tỷ lệ vốn góp (trường hợp thành viên góp vốn là pháp nhân).

2. Trình độ học vấn:

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay[(1)]:

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)(2)	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú(3)

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính(4).

4. Năng lực hành vi dân sự(5)

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh……. tại Tổ chức tài chính vi mô……(6)

- Thông báo cho Tổ chức tài chính vi mô…… về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang xem xét đề nghị của Tổ chức tài chính vi mô……(7)

- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho tổ chức tài chính vi mô là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày... tháng... năm ....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)(8)

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tài chính vi mô về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

(2) Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

(3) Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

(i) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

(ii) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

(iii) Đơn vị theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(4) Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm đ, h khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(5) Ghi cụ thể:

(i) Đầy đủ/Hạn chế/Mất năng lực hành vi dân sự.

(ii) Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

(6), (7): Cam kết khi khai thông tin để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến.

(8) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 08a

Bảng kê khai người có liên quan sử dụng khi đề nghị chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và "người có liên quan" của người khai	Số CMND/số định danh cá nhân/số Hộ chiếu (1)	Mối quan hệ với người khai(2)	Chức vụ tại tổ chức tài chính vi mô đề nghị
I	**Người kê khai**			
1	Nguyễn Văn A		Người khai	
II	**Người có liên quan**			
2	Nguyễn Thị B		Vợ	

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm.....
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)(3)

Ghi chú:

(1) Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.

(2) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(3) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

6. Thủ tục chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của Ngân hàng Hợp tác xã

6.1. Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1**: Tối thiểu 30 ngày trước ngày dự kiến họp Đại hội thành viên hoặc ngày Hội đồng quản trị dự kiến bổ nhiệm (bao gồm cả trường hợp thuê) Tổng Giám đốc, Ngân hàng Hợp tác xã lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước khai thác các thông tin cần thiết trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi xem xét, thẩm định thông tin về cư trú. Trong trường hợp không khai thác được các thông tin cần thiết trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu Ngân hàng Hợp tác xã cung cấp văn bản xác nhận thông tin về cư trú đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm của cơ quan đăng ký cư trú có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan.

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Ngân hàng Hợp tác xã bổ sung hồ sơ;

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận danh sách dự kiến của Ngân hàng Hợp tác xã; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính;

- Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước.

6.3. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến theo mẫu tại Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua danh sách nhân sự dự kiến của Ngân hàng Hợp tác xã, trong đó cam kết nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ của Ngân hàng Hợp tác xã.

c) Sơ yếu lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

d) Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa). Phiếu lý lịch tư pháp phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm Ngân hàng Hợp tác xã nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 tháng.

đ) Bản kê khai người có liên quan của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

e) Các văn bằng, chứng chỉ của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm chứng minh về việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp văn bằng, chứng chỉ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan.

6.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

6.5. Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

6.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Hợp tác xã.

6.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

6.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của Ngân hàng Hợp tác xã.

6.9. Lệ phí: Không

6.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến theo mẫu tại Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN;

- Sơ yếu lý lịch cá nhân Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

- Bản kê khai người có liên quan tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

6.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

6.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

- Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã;

- Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân;

- Thông tư số 22/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã;

- Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;

PHỤ LỤC SỐ 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN DANH SÁCH NHÂN SỰ DỰ KIẾN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh…….

Ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân:
……

Tại Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày ... tháng ... năm ..... đã thông qua danh sách nhân sự dự kiến. Nay đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến.

1. Tên tổ chức tín dụng là hợp tác xã:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Tên viết tắt:

- Tên bằng tiếng Anh (nếu có): Tên viết tắt (nếu có):

- Trụ sở chính tại (Địa chỉ trụ sở chính):

- Địa chỉ email:

2. Danh sách nhân sự dự kiến đề nghị chấp thuận:

- Nhân sự thứ nhất:

+ Họ và tên:

+ Chức danh hiện tại (nếu có):

+ Chức danh dự kiến bầu, bổ nhiệm:

+ Có đủ sức khỏe đảm bảo yêu cầu công tác:

□ Đảm bảo □ Không đảm bảo

- Nhân sự thứ hai: Khai tương tự như nhân sự thứ nhất.

3. Cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hiện tại:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát:

- Số lượng thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát:

b) Cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát:

- Số lượng thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát:

4. Lý do và sự cần thiết thay đổi:

……

……

……

……

……

……

Ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân: ……..cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

b) Cam kết nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đủ năng lực hành vi dân sự, đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

c) Sau khi được chấp thuận thay đổi, sẽ thực hiện đầy đủ và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật có liên quan, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm ....

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 09

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 08

Mẫu Sơ yếu lý lịch

Ảnh màu (4x6) đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh (nếu có).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú).
- Tên, địa chỉ pháp nhân; số vốn góp, tỷ lệ vốn góp (trường hợp là người đại diện vốn góp của pháp nhân). Trường hợp là người được cử làm đại diện phần vốn hỗ trợ của Nhà nước tại Ngân hàng hợp tác xã, phải có thêm thông tin về tỷ lệ vốn góp được đại diện.

2. Trình độ học vấn:

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay(1):

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)(2)	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú(3)

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính(4).

4. Năng lực hành vi dân sự(5)

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh……. tại Ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân…….

- Thông báo cho tổ chức tín dụng là hợp tác xã về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đang xem xét đề nghị của Ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân……..

- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho Ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân: …… để trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày... tháng... năm ....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)(6)

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tín dụng là hợp tác xã về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

(2) Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

(3) Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

(i) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

(ii) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

(iii) Đơn vị theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(4) Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm đ, h khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(5) Ghi cụ thể: Đầy đủ/Hạn chế/Mất năng lực hành vi dân sự.

(6) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 09

Bảng kê khai người có liên quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/Ngân hàng Nhà nước chi nhánh….

STT	Người khai và "người có liên quan" của người khai	Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu (đối với người không có quốc tịch Việt Nam)	Mối quan hệ với người khai(1)	Chức vụ tại ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân….
I	**Người kê khai**			
1	Nguyễn Văn A		Người khai	
II	**Người có liên quan**			
2	Nguyễn Thị B		Vợ	

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm.....
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)(2)

Ghi chú:

(1) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(2) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

7. Thủ tục mua bán, chuyển nhượng Phần vốn góp giữa thành viên góp vốn hiện tại và thành viên góp vốn mới (bên mua, bên nhận chuyển nhượng) của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

7.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1**: Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

- **Bước 2:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7.2. Cách thức thực hiện:

7.3. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, trong đó nêu rõ:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính của bên bán, bên mua, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng; tỷ lệ mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; tỷ lệ sở hữu và giá trị phần vốn góp của các thành viên góp vốn trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

+ Lý do mua bán, chuyển nhượng;

+ Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng;

- Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

- Văn bản cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa thành viên góp vốn hiện tại và thành viên góp vốn mới;

- Văn bản của bên mua, bên nhận chuyển nhượng cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp;

- Các văn bản, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện về thành viên góp vốn và tỷ lệ sở hữu vốn góp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô, gồm:

- Hồ sơ thành viên góp vốn mới là tổ chức:

(i) Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;

(ii) Điều lệ của tổ chức;

(iii) Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật;

(iv) Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại *Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN*, lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa);

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

(v) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức và người đại diện vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô;

(vi) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm liền kề năm nộp hồ sơ và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất (Báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán độc lập) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị nhận chuyển nhượng phần vốn góp (đối với thành viên góp vốn mới là doanh nghiệp);

(vii) Báo cáo hoạt động trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ (đối với thành viên góp vốn mới không phải là doanh nghiệp);

(viii) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp (đối với thành viên góp vốn mới là ngân hàng nước ngoài);

(ix) Bảng kê khai người có liên quan của tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

- Hồ sơ thành viên góp vốn mới là cá nhân:

(i) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN, lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

(ii) Bản kê khai người có liên quan của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

7.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

7.5. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

7.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

7.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

7.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

7.9. Lệ phí: Không.

7.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

- Bản kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

7.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

7.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

- Thông tư 10/2018/TT-NHNN ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô

- Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

Phụ lục số 11

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 01

Mẫu Sơ yếu lý lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu (4x6) đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh (nếu có).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam.
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.
- Tên, địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện; số vốn góp và tỷ lệ vốn góp (trường hợp thành viên góp vốn là pháp nhân).

2. Trình độ học vấn:

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay[1]:

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)[2]	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú[3]

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính(4).

4. Năng lực hành vi dân sự(5)

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho Tổ chức tài chính vi mô…… để trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp là đúng sự thật.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày... tháng... năm ....
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)(6)

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tài chính vi mô về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

(2) Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

(3) Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

(i) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

(ii) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

(iii) Đơn vị theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(4) Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm đ, h khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(5) Ghi cụ thể:

(i) Đầy đủ/Hạn chế/Mất năng lực hành vi dân sự.

(ii) Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

(6) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 02

Bảng kê khai người có liên quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và "người có liên quan" của người khai	Số CMND/ số định danh cá nhân/số Hộ chiếu; Số Giấy phép[1]	Mối quan hệ với người khai[2]	Đã tham gia góp vốn tổ chức tín dụng		Số vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô khi thành lập
				Tên, địa chỉ tổ chức tín dụng	Tỷ lệ góp vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
I	**Người kê khai/tổ chức khai**					
1	Nguyễn Văn A/ Tổ chức A		Người khai/ Tổ chức khai			
II.	**Người có liên quan/tổ chức có liên quan**					
1.	Nguyễn Thị B/ Tổ chức B		Vợ/ Công ty con			
Tổng cộng					% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)	

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ và trung thực của các thông tin kê khai nêu trên.

...,ngày ... tháng ... năm .....
Người khai(3)
(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam; Số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương đối với tổ chức.

(2) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(3) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật. Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

8. Thủ tục chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần ngoài các trường hợp tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật

8.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1**: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị gửi Ngân hàng Nhà nước.

- **Bước 2**: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

- **Bước 3**: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc xem xét, quyết định có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Bước 4**: Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; Văn bản chấp thuận tăng vốn điều lệ có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký. Trường hợp việc tăng vốn điều lệ chưa hoàn tất trong thời hạn cho phép, nếu cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua việc thay đổi phương án tăng vốn điều lệ đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, văn bản chấp thuận tăng vốn điều lệ tự động hết hiệu lực.

- **Bước 5**: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc tăng vốn điều lệ, tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi bằng đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước hồ sơ chứng minh đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ.

- **Bước 6**: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính

8.3. Thành phần hồ sơ:

1. Văn bản đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với việc tăng vốn điều lệ do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký, trong đó phải có nội dung cam kết đã thông báo cho cổ đông, nhà đầu

tư về quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung), bao gồm cả nghĩa vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; không được mua cổ phần của tổ chức tín dụng phi ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.

2. Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua phương án tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Phương án tăng vốn điều lệ, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau đây:

(i) Lý do và sự cần thiết tăng vốn điều lệ;

(ii) Mức vốn điều lệ hiện tại, mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm;

(iii) Các đợt dự kiến tăng vốn điều lệ trong năm, nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ; các thông tin về các đợt dự kiến phát hành trong năm; phương án phát hành cho từng đợt. Trường hợp tăng vốn điều lệ từ việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, phương án tăng vốn điều lệ phải bao gồm các nội dung sau đây:

- Tổng giá trị trái phiếu phát hành, các đợt phát hành, kỳ hạn trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, kế hoạch chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu.

- Tổng giá trị trái phiếu đã được chuyển đổi thành cổ phiếu, tổng giá trị trái phiếu đề nghị được chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thời điểm chuyển đổi.

(iv) Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ;

(v) Dự kiến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh trong năm liền kề sau khi tăng vốn điều lệ; dự kiến kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm trong hoạt động kinh doanh;

(vi) Khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát rủi ro đối với quy mô mức vốn điều lệ mới.

4. Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

5. Báo cáo danh sách cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn; cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người có liên quan trước và sau khi tăng vốn điều lệ, trong đó nêu rõ các thông tin:

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

(ii) Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(iii) Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ hiện tại và dự kiến sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ (trong đó nêu rõ số lượng cổ phần phổ thông và số lượng cổ phần ưu đãi).

6. Báo cáo tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân, tổ chức nước ngoài) hiện tại và dự kiến sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ.

7. Bảng kê khai người có liên quan của cá nhân, tổ chức dự kiến là cổ đông lớn theo mẫu quy định tại Phụ lục số 15 đính kèm Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

8. Bảng kê khai số thuế đã nộp của cá nhân, tổ chức dự kiến là cổ đông lớn trong năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật.

9. Báo cáo dư nợ tín dụng đến thời điểm nộp hồ sơ của tổ chức, cá nhân dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) dự kiến tham gia mua, nhận chuyển nhượng cổ phần để tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó tối thiểu gồm các thông tin về tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nhóm nợ và mục đích cấp tín dụng.

10. Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương của tổ chức dự kiến là cổ đông lớn.

11. Báo cáo tài chính của tổ chức dự kiến là cổ đông lớn năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo

cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

12. Tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ, gồm: (i) Báo cáo cơ cấu cổ đông sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ; (ii) Văn bản của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc chào bán chứng khoán; (iii) Báo cáo kết quả đợt chào bán chứng khoán; (iv) Văn bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được trong đợt chào bán chứng khoán.

8.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

8.5. Thời hạn giải quyết: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với việc chấp thuận tăng vốn điều lệ và 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

8.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng

8.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

8.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần ngoài các trường hợp tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật và và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

8.9. Lệ phí: 35.000.000 Đồng

8.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

8.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

8.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

- Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- *Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.*

- Thông tư 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

Phụ lục số 15

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục

Bảng kê khai người có liên quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thông tin người kê khai

2. Người có liên quan

STT	***Người có liên quan***	***Mối quan hệ với người khai***	***Tham gia góp vốn***	
			Tên tổ chức tín dụng	**Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Nguyễn Văn A	Người khai		
2.	Nguyễn Thị B	Vợ		
3.	Công ty X			
…				
Tổng cộng				% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (6)

(*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)*)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của cá nhân, tổ chức, bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú).

- Đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; nơi ở hiện tại.

- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;

- Địa chỉ;

- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (2): Liệt kê người khai và tất cả người có liên quan của người khai là cá nhân, tổ chức, bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, "Người có liên quan" tham chiếu theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung), quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2.2. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.3. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.4. Đối với phần kê khai tại (6): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

9. Thủ tục chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật

9.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị gửi Ngân hàng Nhà nước.

- **Bước 2**: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

- **Bước 3**: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc xem xét, quyết định có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Bước 4**: Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; Văn bản chấp thuận tăng vốn điều lệ có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký. Trường hợp việc tăng vốn điều lệ chưa hoàn tất trong thời hạn cho phép, nếu cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua việc thay đổi phương án tăng vốn điều lệ đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, văn bản chấp thuận tăng vốn điều lệ tự động hết hiệu lực.

- **Bước 5**: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc tăng vốn điều lệ, tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi bằng đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước hồ sơ chứng minh hoàn tất việc tăng vốn.

- **Bước 6**: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính;

9.3. Thành phần hồ sơ:

1. Văn bản đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với việc tăng vốn điều lệ do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký.

2. Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua phương án tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Phương án tăng vốn điều lệ, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau đây:

(i) Lý do và sự cần thiết tăng vốn điều lệ;

(ii) Mức vốn điều lệ hiện tại, mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm;

(iii) Các đợt dự kiến tăng vốn điều lệ trong năm, nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ; các thông tin về các đợt dự kiến phát hành trong năm; phương án phát hành cho từng đợt. Trường hợp tăng vốn điều lệ từ việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, phương án tăng vốn điều lệ phải bao gồm các nội dung sau đây:

- Tổng giá trị trái phiếu phát hành, các đợt phát hành, kỳ hạn trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, kế hoạch chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu.

- Tổng giá trị trái phiếu đã được chuyển đổi thành cổ phiếu, tổng giá trị trái phiếu đề nghị được chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thời điểm chuyển đổi.

(iv) Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ;

(v) Dự kiến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh trong năm liền kề sau khi tăng vốn điều lệ; dự kiến kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm trong hoạt động kinh doanh;

(vi) Khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát rủi ro đối với quy mô mức vốn điều lệ mới.

4. Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

5. Báo cáo danh sách cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn; cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người có liên quan trước và sau khi tăng vốn điều lệ, trong đó nêu rõ các thông tin:

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

(ii) Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(iii) Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ hiện tại và dự kiến sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ (trong đó nêu rõ số lượng cổ phần phổ thông và số lượng cổ phần ưu đãi).

6. Báo cáo tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân, tổ chức nước ngoài) hiện tại và dự kiến sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ.

7. Tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ, gồm: (i) Báo cáo cơ cấu cổ đông sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ; (ii) Văn bản của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc phát hành cổ phiếu.

9.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

9.5. Thời hạn giải quyết: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với việc chấp thuận tăng vốn điều lệ và 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

9.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng

9.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

9.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận chấp tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

9.9. Lệ phí: 35.000.000 Đồng

9.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

9.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

9.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

- Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- *Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng*.

- Thông tư 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

10. Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng là chủ sở hữu mới

10.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1**: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị gửi Ngân hàng Nhà nước.

- **Bước 2**: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

- **Bước 3**: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ, có văn bản gửi lấy ý kiến các đơn vị liên quan.

- **Bước 4**: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị liên quan có văn bản tham gia ý kiến.

- **Bước 5**: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hết hạn tham gia ý kiến, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tổng hợp, trình Thống đốc xem xét, quyết định có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Bước 6**: Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 7**: Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận, các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng phải hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Quá thời hạn trên, nếu các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng không thực hiện việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước tự động hết hiệu lực.

- **Bước 8**: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản báo cáo về kết quả thực hiện việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, danh sách và tỷ lệ góp vốn của thành viên góp vốn trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng kèm tài liệu chứng minh đã hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng.

10.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính;

10.3. Thành phần hồ sơ:

1. Văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ trụ sở chính của bên bán, bên mua, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng; tỷ lệ chuyển nhượng phần vốn góp; tỷ lệ sở hữu và giá trị phần vốn góp của các thành viên góp vốn trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng; lý do mua bán, chuyển nhượng.

2. Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp.

3. Văn bản đề nghị mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp do người đại diện hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng ký.

4. Văn bản thỏa thuận, cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa bên bán, bên chuyển nhượng với bên mua, bên nhận chuyển nhượng.

5. Cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

6. Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng năm liền kề trước năm đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

7. Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của bên bán, bên chuyển nhượng, bên mua, bên nhận chuyển nhượng thông qua nội dung phương án mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp.

8. Phương án mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, trong đó bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: (i) Tên, địa chỉ và trang thông tin điện tử (nếu có) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; (ii) Thông tin của bên bán, bên chuyển nhượng, bên mua, bên nhận chuyển nhượng: *Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;* (iii) Lý do mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; (iv) Tóm tắt tình hình tài chính và kết quả hoạt động, việc đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn

trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ và tại thời điểm đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; (v) Quyền lợi, nghĩa vụ của bên bán, bên chuyển nhượng, bên mua, bên nhận chuyển nhượng và các tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có); (vi) Giá chuyển nhượng, thời hạn, phương thức thanh toán; thời hạn bàn giao tổ chức tín dụng phi ngân hàng cho chủ sở hữu mới; (vii) Trách nhiệm của bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng đối với chi phí phát sinh trong quá trình chuyển nhượng; (viii) Các phương án xử lý trong trường hợp bên tham gia mua bán, chuyển nhượng đơn phương hủy bỏ thỏa thuận mua bán, chuyển nhượng; (ix) Dự kiến về sơ đồ tổ chức, nhân sự, mạng lưới hoạt động và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp; (x) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi mua bán, chuyển nhượng, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ); các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động; các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm; (xi) Biện pháp chuyển đổi, kết hợp hệ thống thông tin quản lý, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, hệ thống truyền dữ liệu để đảm bảo thông suốt hoạt động trong và sau khi mua bán, chuyển nhượng.

9. Hồ sơ của chủ sở hữu mới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng như hồ sơ đối với chủ sở hữu thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

10.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

10.5. Thời hạn giải quyết: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

10.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng

10.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

10.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng là chủ sở hữu mới.

10.9. Lệ phí: Không

10.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

10.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

10.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

- Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

11. Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng

11.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức tín dụng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung hồ sơ.

- Bước 3: Tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong thời hạn tối đa 45 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ. Quá thời hạn này, tổ chức tín dụng phải nộp lại bộ hồ sơ theo quy định để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chấp thuận.

- Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng (Trường hợp không chấp thuận, văn bản trả lời nêu rõ lý do).

11.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính.

11.3. Thành phần hồ sơ:

1. Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự do người đại diện theo pháp luật ký; trường hợp người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật; trường hợp tổ chức tín dụng khuyết người đại diện theo pháp luật, văn bản đề nghị của tổ chức tín dụng là văn bản của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên ký; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác, thành viên Hội đồng thành viên khác ký thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật và hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau: a) Lý do của việc bầu, bổ nhiệm nhân sự; b) Danh sách dự kiến nhân sự, trong đó nêu rõ: họ và tên, chức danh, đơn vị công tác hiện tại; chức danh dự kiến được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tín dụng, tên cá nhân, tổ chức đề cử; tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp mà nhân sự dự kiến làm người đại diện theo ủy quyền của tổ chức đề cử (nếu có); c) Cơ cấu, danh sách các thành viên của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát hiện tại và dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm của tổ chức tín dụng (trường hợp dự kiến nhân sự bầu, bổ nhiệm vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát), trong đó: (i) Đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần:

nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, số lượng thành viên độc lập, thành viên không phải là người điều hành, số lượng thành viên là người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Các tổ chức tín dụng; số lượng thành viên Ban kiểm soát, số lượng thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát; (ii) Đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn: nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng thành viên, số lượng thành viên Ban kiểm soát, số lượng thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát; d) Đánh giá về việc nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó đánh giá cụ thể việc đáp ứng đối với từng điều kiện; đ) Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng.

2. Văn bản thông qua danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng (đối với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát phải nêu rõ nhiệm kỳ), cụ thể: a) Đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần: Nghị quyết của Hội đồng quản trị; b) Đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của Chủ sở hữu; c) Đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: (i) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của các thành viên góp vốn; (ii) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc): Nghị quyết của Hội đồng thành viên.

3. Lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu Phụ lục số 16 đính kèm Thông tư 24/2023/TT-NHNN.

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm: a) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã; b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có

thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì chủ sở hữu (đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), thành viên góp vốn (đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên), cổ đông, nhóm cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần) đề cử nhân sự dự kiến phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng; c) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tín dụng nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng.

5. Bản kê khai người có liên quan của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu Phụ lục số 17 đính kèm Thông tư 24/2023/TT-NHNN.

6. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó văn bằng của người có quốc tịch Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên tổ chức tín dụng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể: a) Đối với điều kiện "có ít nhất 3 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 5 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán": (i) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp không phải là tổ chức tín dụng); (ii) Nội dung Điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp quy định về người quản lý, điều hành; (iii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại đơn vị của nhân sự. b) Đối với điều kiện "có ít nhất 5 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng": (i) Nội dung Điều lệ của doanh nghiệp quy định về người quản lý, điều hành; (ii) Bản sao các báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang công tác; (iii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại doanh nghiệp của nhân sự. c) Đối với điều kiện "có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán": Văn bản của

người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự làm việc tại các bộ phận này hoặc bản sao các văn bản chứng minh bộ phận công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự tại bộ phận này.

8. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng quy định tại điểm d khoản 4 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể: a) Đối với điều kiện "có ít nhất 5 năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng": (i) Nội dung Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định về người điều hành; (ii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại tổ chức tín dụng của nhân sự. b) Đối với điều kiện "có ít nhất 5 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 5 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán": (i) Bản sao các báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc); (ii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại doanh nghiệp của nhân sự; (iii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự tại lĩnh vực này. c) Đối với điều kiện "có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán": Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự tại lĩnh vực này.

9. Tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện "có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán" đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán và thời

gian nhân sự làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự tại lĩnh vực này.

10. Đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm thuộc trường hợp quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng: Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cử nhân sự dự kiến làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng.

11.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

11.5. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

11.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tín dụng

11.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

11.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự được bầu, bổ nhiệm của tổ chức tín dụng.

11.9. Lệ phí: không

11.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

- Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục số 17 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

11.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện đối với người quản lý, người điều hành theo quy định tại Điều 50 Luật các tổ chức tín dụng, cụ thể:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng; b) Có đạo đức nghề nghiệp; c) Có bằng đại học trở lên; d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng; b) Có đạo đức nghề nghiệp; c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị

kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán; d) Không phải là người có liên quan của người quản lý tổ chức tín dụng; đ) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Tổng giám đốc (Giám đốc) phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng; b) Có đạo đức nghề nghiệp; c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; d) Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; đ) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

11.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

- Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/9/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Thông tư số 13/2019/TT-NHNN ngày 21/8/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Thông tư số 13/2020/TT-NHNN ngày 13/11/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

Phụ lục số 16

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 01

Mẫu Sơ yếu lý lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu (4x6) đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch

SƠ YẾU LÝ LỊCH(1)

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh.
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam.
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.
- Tên, địa chỉ của pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông hoặc thành viên góp vốn là pháp nhân hoặc là người được cử làm đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng).

2. Trình độ học vấn

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay (2).

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) (3)	Đơn vị công tác	Chức vụ(4)	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú (5)

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính(6).

4. Năng lực hành vi dân sự(7)

4a. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh … tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Thông báo cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai này phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của ... (tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

- Các thông tin cá nhân Tôi cung cấp cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để trình Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Chữ ký và họ tên đầy đủ của người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)(8)

Ghi chú:

1. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

2. Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

3. Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

4. Nêu rõ nếu nhân sự là người quản lý, người điều hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp.

5. Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

a) Công ty con của tổ chức tín dụng;

b) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

c) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

d) Đơn vị theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

6. Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm đ, h khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

7. Ghi cụ thể: đầy đủ/hạn chế/mất năng lực hành vi dân sự.

8. Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết)

Phụ lục số 17

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 02

Bảng kê khai người có liên quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và "người có liên quan" của người khai	Mối quan hệ với người khai(1)	Số Chứng minh nhân dân/số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam) hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam)	Chức vụ tại tổ chức tín dụng đề nghị	Chức vụ tại Công ty con của tổ chức tín dụng đề nghị	Tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp đại diện tại tổ chức tín dụng đề nghị (%)	…
1	Nguyễn Văn A	Người khai					
2	Nguyễn Thị B	Vợ					
…							

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm.....
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)(2)

Ghi chú:

(1) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan tại cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 28 Điều 4, khoản 2 Điều 62 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(2) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

(Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết).

12. Thủ tục đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ của Ngân hàng Hợp tác xã

12.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ngân hàng Hợp tác xã lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước.

- Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Ngân hàng Hợp tác xã bổ sung hồ sơ;

- Bước 3:

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

(i) Đối với trường hợp tăng mức vốn điều lệ: Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với mức vốn điều lệ của Ngân hàng Hợp tác xã;

(ii) Đối với trường hợp giảm mức vốn điều lệ: Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận giảm mức vốn điều lệ của Ngân hàng Hợp tác xã. Ngân hàng Hợp tác xã chỉ được thực hiện phương án giảm vốn điều lệ sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;

(iii) Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do."

- Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Hợp tác xã phải thực hiện giảm vốn điều lệ và gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo đã hoàn tất việc giảm vốn điều lệ. Quá thời hạn này, Ngân hàng Hợp tác xã không thực hiện giảm vốn điều lệ, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực;

- Bước 5: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo hoàn tất việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng Hợp tác xã, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với mức vốn điều lệ của Ngân hàng Hợp tác xã.

12.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

c) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước.

12.3. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ theo mẫu tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN;

b) Phương án tăng mức vốn điều lệ bao gồm tối thiểu các nội dung:

(i) Nguồn sử dụng để bổ sung vốn điều lệ;

(ii) Nguồn sử dụng để hoàn trả vốn góp cho thành viên và mức độ đáp ứng các điều kiện để hoàn trả vốn góp cho thành viên (nếu có);

c) Phương án giảm mức vốn điều lệ bao gồm tối thiểu các nội dung:

(i) Nguồn sử dụng để bổ sung vốn điều lệ (nếu có);

(ii) Nguồn sử dụng để hoàn trả vốn góp cho thành viên và mức độ đáp ứng các điều kiện để hoàn trả vốn góp cho thành viên;

(iii) Thời gian dự kiến hoàn thành việc giảm vốn điều lệ;

d) Nghị quyết của Đại hội thành viên bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

(i) Thay đổi mức vốn điều lệ;

(ii) Thông qua danh sách kết nạp thành viên mới, cho thành viên ra khỏi quỹ tín dụng nhân dân; quyết định khai trừ thành viên;

Trường hợp đề nghị chấp thuận giảm mức vốn điều lệ, mức vốn điều lệ đề nghị giảm phải phù hợp với các quy định của pháp luật về vốn pháp định và có các phương án đảm bảo quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng Hợp tác xã;

đ) Danh sách thành viên góp vốn và dự kiến được hoàn trả vốn trong năm theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN.

12.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

12.5. Thời hạn giải quyết:

- 20 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp tăng mức vốn điều lệ;

- 60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp giảm mức vốn điều lệ;

12.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Hợp tác xã.

12.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

12.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với mức vốn điều lệ của Ngân hàng Hợp tác xã.

12.9. Lệ phí: 70.000.000 đồng.

12.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ theo mẫu tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN;

- Danh sách thành viên góp vốn và dự kiến được hoàn trả vốn trong năm theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN.

12.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã;

+ Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân;

+ Thông tư số 22/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã;

+ Thông tư 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

Phụ lục số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh……

Ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân:.....

Tại Đại hội thành viên ngày…..tháng…..năm….. đã thông qua việc thay đổi mức vốn điều lệ. Nay đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ.

1. Tên tổ chức tín dụng là hợp tác xã:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Tên viết tắt:
- Tên bằng tiếng Anh (nếu có): Tên viết tắt (nếu có):
- Trụ sở chính tại (Địa chỉ trụ sở chính):
- Mức vốn điều lệ hiện tại:
- Địa chỉ email:

2. Mức vốn điều lệ dự kiến đề nghị chấp thuận:

.....

3. Lý do và sự cần thiết thay đổi:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân:.....cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

b) Sau khi được chấp thuận thay đổi, sẽ thực hiện đầy đủ và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật có liên quan, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm ....

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Mẫu danh sách kê khai thành viên góp vốn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ DỰ KIẾN ĐƯỢC HOÀN TRẢ VỐN TRONG NĂM…..

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh…

1. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Họ và tên/Tên tổ chức	Địa chỉ	Vốn góp xác lập tư cách thành viên		Vốn góp bổ sung		Tổng
			Số tiền	Thời điểm góp	Số tiền	Thời điểm góp	

2. Danh sách thành viên dự kiến được hoàn trả vốn

STT	Họ và tên/Tên tổ chức	Địa chỉ	Tổng số vốn góp (Số tiền)	Số vốn dự kiến hoàn trả (Số tiền)	Số vốn góp còn lại dự kiến (Số tiền)

Ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân:.....cam kết:

Các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày... tháng... năm ....
Người đại diện hợp pháp
(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu)

B. Thủ tục thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

1. Thủ tục cấp giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Chấp thuận nguyên tắc việc thành lập:

- Bước 1: Ban trù bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định gửi đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn.

- **Bước 2**: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trù bị xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3**: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh: (i) Có văn bản gửi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn; danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân; (ii) Có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã Việt Nam về danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân (nếu thấy cần thiết);

- **Bước 4**: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân dự kiến đặt trụ sở chính, ngân hàng hợp tác xã Việt Nam có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung được đề nghị. Quá thời hạn nêu trên, nếu không nhận được ý kiến bằng văn bản của các đơn vị, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xác định đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến phản đối.

- **Bước 5**: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã, ngân hàng hợp tác xã Việt Nam hoặc kể từ ngày hết thời hạn gửi lấy ý kiến mà không nhận được ý kiến tham gia, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trù bị chấp thuận nguyên tắc thành lập quỹ tín dụng nhân dân và chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trù bị, trong đó nêu rõ lý do.

- Bước 6: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh: Ban trù bị tổ chức Đại hội thành lập và lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh không nhận được hoặc

nhận được không đầy đủ các văn bản nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

b) Cấp Giấy phép:

- **Bước 1**: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các hồ sơ quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

- **Bước 2**: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, tỉnh thành phố;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần hồ sơ:

**Hồ sơ chấp thuận nguyên tắc:*

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép do Trưởng Ban trù bị ký theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-NHNN.

2. Dự thảo Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân được Hội nghị thành lập thông qua.

3. Đề án thành lập quỹ tín dụng nhân dân được Hội nghị thành lập thông qua, trong đó nêu rõ:

a) Sự cần thiết thành lập quỹ tín dụng nhân dân;

b) Tên quỹ tín dụng nhân dân, địa bàn hoạt động, địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính, thời hạn hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động phù hợp với quy định;

c) Cơ cấu tổ chức;

d) Quy định về quản lý rủi ro, trong đó nêu rõ các loại rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động, phương thức và biện pháp phòng ngừa, kiểm soát các loại rủi ro này;

đ) Quy trình, chính sách cho vay đối với thành viên, người có tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân, hộ nghèo trên địa bàn không phải là thành viên của quỹ tín dụng nhân dân;

e) Công nghệ thông tin: Dự kiến hệ thống công nghệ thông tin để quản lý hoạt động, khả năng áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng và

việc đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin;

g) Dự kiến hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước;

h) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 (ba) năm đầu phù hợp với nội dung, phạm vi hoạt động, trong đó phân tích, thuyết minh tính hiệu quả và khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

4. Danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân.

5. Tài liệu chứng minh năng lực của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân gồm:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu *tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;*

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ

b) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Lý lịch tư pháp do Sở tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp;

d) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

6. Danh sách các thành viên tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân. Danh sách phải được tất cả thành viên tham gia góp vốn ký xác nhận, có tối thiểu các nội dung sau:

a) Họ và tên (đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hộ gia đình); Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính (đối với thành viên là pháp nhân);

b) Số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu đối với thành viên là cá nhân; số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu của người đại diện hộ gia đình đối với thành viên là hộ gia đình; mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập hoặc số giấy tờ khác có giá trị tương đương và số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu của người đại diện phần vốn góp đối với thành viên là pháp nhân;

c) Số tiền tham gia góp vốn, tỷ lệ góp vốn của từng thành viên.

7. Giấy xác nhận nơi công tác, bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng làm việc của cơ quan, đơn vị tuyển dụng đối với thành viên góp vốn là cán bộ, công chức, viên chức.

8. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương (đối với thành viên là pháp nhân).

9. Văn bản ủy quyền của pháp nhân cho người đại diện của pháp nhân tham gia góp vốn.

10. Văn bản ủy quyền của hộ gia đình cho người đại diện hộ gia đình tham gia góp vốn.

11. Báo cáo tài chính năm liền kề năm đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất nhưng không quá 90 ngày trở về trước tính từ thời điểm ký đơn đề nghị cấp Giấy phép (đối với thành viên là pháp nhân).

12. Báo cáo khả năng tài chính để tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân đối với pháp nhân theo quy định tại Phụ lục số 06 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN.

13. *Đơn đề nghị tham gia thành viên theo mẫu tại Phụ lục số 03, Phụ lục số 04, Phụ lục số 05 Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.*

15. Biên bản Hội nghị thành lập.

** Hồ sơ cấp phép thành lập*

1. Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân đã được Đại hội thành lập quỹ tín dụng nhân dân thông qua và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Đại hội thành lập quỹ tín dụng nhân dân.

3. Nghị quyết của Đại hội thành lập về việc thông qua Điều lệ, bầu Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát (hoặc kiểm soát viên chuyên trách) theo danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận; Nghị quyết của Đại hội thành lập thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền phải được các thành viên tham dự Đại hội thành lập biểu quyết thông qua theo nguyên tắc đa số.

4. Quyết định của Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân về việc bổ nhiệm Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân theo danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận.

5. Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt trụ sở chính.

1.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

1.5. Thời hạn giải quyết: 180 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập quỹ tín dụng nhân dân.

1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân.

1.9. Lệ phí: 200.000 đồng.

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-NHNN.

- Đơn tham gia thành viên theo mẫu tại các Phụ lục số 03, 04, 05 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

- Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại các Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN

- Mẫu sổ góp vốn (theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-NHNN);

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép;

- Có tối thiểu 30 thành viên đáp ứng điều kiện để trở thành thành viên và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn thành lập;

- Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

- Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát phù hợp với quy định.

- Có Điều lệ phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 năm đầu hoạt động.

1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

- Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 03 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về Quỹ tín dụng nhân dân;

- Thông tư số 06/2017/TT-NHNN ngày 05/7/2017 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2014/TT-NHNN quy định về Quỹ đảm bảo an toàn hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN quy định về Quỹ tín dụng nhân dân.

- Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân;

- Thông tư số 01/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 03 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quỹ tín dụng nhân dân;

- Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;

- Thông tư 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

Phụ lục số 01

Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập hoạt động quỹ tín dụng nhân dân

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày …… tháng …… năm ……

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Kính gửi: Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh...

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Thông tư số ..../ …./TT-NHNN ngày …/…./……của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quỹ tín dụng nhân dân;

Căn cứ Biên bản Hội nghị thành lập quỹ tín dụng nhân dân ...ngày... tháng... năm ;

Ban trù bị thành lập quỹ tín dụng nhân dân đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân với các nội dung sau đây:

1. Tên quỹ tín dụng nhân dân:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt;

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt;

- Tên giao dịch (nếu có).

2. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax:

3. Địa bàn hoạt động:

4. Nội dung, phạm vi hoạt động:

5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ:

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký kinh doanh, đăng ký khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân./.

TRƯỞNG BAN TRÙ BỊ
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Phụ lục số 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 01

Mẫu đơn tham gia thành viên đối với cá nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày….. tháng….. năm……

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA THÀNH VIÊN

(Đối với cá nhân)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân……

1. Cá nhân đề nghị tham gia thành viên

- Họ và tên (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân.
- Nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú).
- Nghề nghiệp, nơi công tác và chức vụ hiện tại.
- Số điện thoại.

Sau khi nghiên cứu Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân ……. và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin được đăng ký tham gia là thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân …… với số tiền góp vốn là ……đồng.

2. Cam kết

Tôi xin cam kết:

a) Góp đủ vốn đã đăng ký và góp vốn đúng thời hạn theo quy định của Quỹ tín dụng nhân dân ……..;

b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của vốn góp vào Quỹ tín dụng nhân dân …….;

c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân…… và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm theo quy định.

Người đề nghị tham gia thành viên

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 02

Mẫu đơn tham gia thành viên đối với hộ gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày….. tháng….. năm……

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA THÀNH VIÊN
(Đối với hộ gia đình)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân……

1. Cá nhân đại diện hộ gia đình đề nghị tham gia thành viên

- Họ và tên (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân.
- Nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú).
- Nghề nghiệp, nơi công tác và chức vụ hiện tại.
- Số điện thoại.

Sau khi nghiên cứu Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân….. và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi được các thành viên trong hộ gia đình cử làm đại diện đăng ký tham gia làm thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân …..….. với số tiền góp vốn là ……..…….. đồng.

2. Cam kết

Chúng tôi xin cam kết:

a) Góp đủ vốn đã đăng ký và góp vốn đúng thời hạn theo quy định của Quỹ tín dụng nhân dân……..;

b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của vốn góp vào Quỹ tín dụng nhân dân……..;

c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm theo quy định.

(Đính kèm văn bản ủy quyền của các thành viên trong hộ gia đình)

Người đại diện hộ gia đình
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Phụ lục số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 03

Mẫu đơn tham gia thành viên đối với pháp nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày….. tháng….. năm……

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA THÀNH VIÊN
(Đối với pháp nhân)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân……

1. Pháp nhân đề nghị tham gia thành viên

- Tên pháp nhân (tên đầy đủ, tên giao dịch nếu có, ghi bằng chữ in hoa).

- Mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập hoặc số giấy tờ khác có giá trị tương đương, do... cấp ngày.... tháng….. năm ....

- Vốn điều lệ.

- Địa chỉ trụ sở chính.

- Số điện thoại. Số Fax.

2. Người đại diện theo pháp luật

- Họ và tên (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân.
- Nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú).
- Chức vụ đang đảm nhiệm.
- Số điện thoại.

3. Người đại diện theo ủy quyền tại quỹ tín dụng nhân dân

- Họ và tên (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân.
- Nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú).
- Chức vụ đang đảm nhiệm.

- Số điện thoại.

4. Số vốn góp, nắm giữ cổ phần tại các tổ chức khác

- Tên tổ chức, doanh nghiệp mà pháp nhân đang có vốn góp, nắm giữ cổ phần.

- Số vốn góp, nắm giữ cổ phần; tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức, doanh nghiệp đó.

Sau khi nghiên cứu Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân…… và các quy định của pháp luật có liên quan, (tên pháp nhân) đăng ký tham gia làm thành viên Quỹ tín dụng nhân dân…… với số tiền góp vốn là ……đồng.

5. Cam kết

a) Góp đủ vốn đã đăng ký và góp vốn đúng thời hạn theo quy định của Quỹ tín dụng nhân dân ……;

b) Có đủ năng lực tài chính để góp vốn vào Quỹ tín dụng nhân dân…… theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; Không sử dụng vốn ủy thác, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của vốn góp vào quỹ tín dụng nhân dân;

c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân…… và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 04

Mẫu Sơ yếu lý lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu (4x6) đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh (nếu có).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú).
- Tên, địa chỉ pháp nhân; số vốn góp, tỷ lệ vốn góp (trường hợp là người đại diện vốn góp của pháp nhân).

2. Trình độ học vấn:

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay(1):

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)(2)	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú(3)

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính(4).

4. Mối quan hệ:

STT	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân	Mối quan hệ với người khai(5)	Chức vụ tại Quỹ tín dụng nhân dân…
1	Nguyễn Văn A		Anh ruột	
2	Nguyễn Thị B		Vợ	

5. Năng lực hành vi dân sự(6)

6. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh…… tại Quỹ tín dụng nhân dân……..

- Thông báo cho quỹ tín dụng nhân dân về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đang xem xét đề nghị của Quỹ tín dụng nhân dân……...

- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho Quỹ tín dụng nhân dân:…… để trình Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày... tháng... năm ....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)(7)

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và quỹ tín dụng nhân dân về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

(2) Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

(3) Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

(i) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

(ii) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

(iii) Đơn vị theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(4) Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm đ, h khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(5) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(6) Ghi cụ thể: Đầy đủ/Hạn chế/Mất năng lực hành vi dân sự.

(7) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

PHỤ LỤC SỐ 05

MẪU SỔ GÓP VỐN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-NHNN ngày 01/3/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Mặt trước

Một số điểm cần chú ý

• Mỗi lần góp vốn, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng vốn góp, thành viên phải mang sổ góp vốn đến làm thủ tục tại quỹ tín dụng nhân dân.

• Thành viên có trách nhiệm bảo quản sổ góp vốn cẩn thận, tránh hư hỏng, rách nát.

• Khi mất Sổ góp vốn, thành viên phải báo ngay cho quỹ tín dụng nhân dân biết để xử lý theo chế độ.

Quỹ tín dụng nhân dân

Sổ góp vốn

Số: …….

(1): ……..

(2): ……..

(3): Số ……

Ngày.... tháng ... năm....

Người góp vốn	**Giám đốc**
(hoặc đại diện pháp nhân)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	

(1): Họ, tên (đối với thành viên là cá nhân); họ, tên người đại diện (đối với thành viên là hộ gia đình); tên tổ chức (đối với thành viên là pháp nhân).

(2): Địa chỉ nơi cư trú (đối với thành viên là cá nhân, hộ gia đình); địa chỉ trụ sở chính (đối với thành viên là pháp nhân).

(3): Số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu (đối với thành viên là cá nhân); số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu của người đại diện (đối với thành viên là hộ gia đình); mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập hoặc số giấy tờ khác có giá trị tương đương (đối với thành viên là pháp nhân).

Mặt sau

Số TT	Ngày, tháng, năm	GÓP VỐN, CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG	CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP		NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP		SỐ DƯ VỐN GÓP		CHỮ KÝ	
			Họ, tên	Địa chỉ	Họ, tên	Địa chỉ	Bằng số	Bằng chữ	Kế toán	Giám đốc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Trong đó:

Cột (3): Số tiền góp vốn, chuyển nhượng vốn góp, nhận chuyển nhượng vốn góp.

Cột (4): Tên của cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân nhận chuyển nhượng vốn góp.

Cột (5): Địa chỉ nơi cư trú (đối với cá nhân, hộ gia đình chuyển nhượng vốn góp); địa chỉ trụ sở chính (đối với pháp nhân chuyển nhượng vốn góp).

Cột (6): Tên của cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân chuyển nhượng vốn góp cho thành viên.

Cột (7): Địa chỉ nơi cư trú (đối với cá nhân, hộ gia đình nhận chuyển nhượng vốn góp); địa chỉ trụ sở chính (đối với pháp nhân nhận chuyển nhượng vốn góp).

2. Thủ tục chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của quỹ tín dụng nhân dân

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tối thiểu 30 ngày trước ngày dự kiến họp Đại hội thành viên hoặc ngày Hội đồng quản trị dự kiến bổ nhiệm (bao gồm cả trường hợp thuê) Giám đốc, Quỹ tín dụng nhân dân lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố khai thác các thông tin cần thiết trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi xem xét, thẩm định thông tin về cư trú. Trong trường hợp không khai thác được các thông tin cần thiết trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có quyền yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân cung cấp văn bản xác nhận thông tin về cư trú đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm của cơ quan đăng ký cư trú có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân bổ sung hồ sơ;

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản chấp thuận danh sách dự kiến của Quỹ tín dụng nhân dân; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính;

- Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước.

2.3. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua danh sách nhân sự dự kiến của Quỹ tin dụng nhân dân, trong đó cam kết nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân;

c) Sơ yếu lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

d) Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa).

Phiếu lý lịch tư pháp phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm Quỹ tín dụng nhân dân nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 tháng.

đ) Bản kê khai người có liên quan của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

e) Các văn bằng, chứng chỉ của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm chứng minh về việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp văn bằng, chứng chỉ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan.”

2.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

2.5. Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Quỹ tín dụng nhân dân.

2.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của Quỹ tín dụng nhân dân.

2.9. Lệ phí: Không

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN;

- *Sơ yếu lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;*

- *Bản kê khai người có liên quan của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.*

2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

2.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

- Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã;

- Thông tư số 22/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã;

- *Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

PHỤ LỤC SỐ 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN DANH SÁCH NHÂN SỰ DỰ KIẾN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh…….
Ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân:
……

Tại Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày ... tháng ... năm ..... đã thông qua danh sách nhân sự dự kiến. Nay đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến.

1. Tên tổ chức tín dụng là hợp tác xã:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Tên viết tắt:
- Tên bằng tiếng Anh (nếu có): Tên viết tắt (nếu có):
- Trụ sở chính tại (Địa chỉ trụ sở chính):
- Địa chỉ email:

2. Danh sách nhân sự dự kiến đề nghị chấp thuận:

- Nhân sự thứ nhất:

+ Họ và tên:
+ Chức danh hiện tại (nếu có):
+ Chức danh dự kiến bầu, bổ nhiệm:
+ Có đủ sức khỏe đảm bảo yêu cầu công tác:
□ Đảm bảo □ Không đảm bảo

- Nhân sự thứ hai: Khai tương tự như nhân sự thứ nhất.

3. Cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hiện tại:
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị:
- Số lượng thành viên Ban kiểm soát:
- Số lượng thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát:

b) Cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm:
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị:
- Số lượng thành viên Ban kiểm soát:
- Số lượng thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát:

4. Lý do và sự cần thiết thay đổi:

……

……

……

Ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân: ……..cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

b) Cam kết nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đủ năng lực hành vi dân sự, đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

c) Sau khi được chấp thuận thay đổi, sẽ thực hiện đầy đủ và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật có liên quan, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm ....

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 09

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 08

Mẫu Sơ yếu lý lịch

Ảnh màu (4x6) đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh (nếu có).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú).
- Tên, địa chỉ pháp nhân; số vốn góp, tỷ lệ vốn góp (trường hợp là người đại diện vốn góp của pháp nhân). Trường hợp là người được cử làm đại diện phần vốn hỗ trợ của Nhà nước tại Ngân hàng hợp tác xã, phải có thêm thông tin về tỷ lệ vốn góp được đại diện.

2. Trình độ học vấn:

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay(1):

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)(2)	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú(3)

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính[4].

4. Năng lực hành vi dân sự[5]

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh……. tại Ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân…….

- Thông báo cho tổ chức tín dụng là hợp tác xã về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đang xem xét đề nghị của Ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân……..

- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho Ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân: …… để trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày... tháng... năm ....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)[6]

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tín dụng là hợp tác xã về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

(2) Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

(3) Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

(i) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

(ii) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

(iii) Đơn vị theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(4) Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm đ, h khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(5) Ghi cụ thể: Đầy đủ/Hạn chế/Mất năng lực hành vi dân sự.

(6) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 09

Bảng kê khai người có liên quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/Ngân hàng Nhà nước chi nhánh….

STT	Người khai và "người có liên quan" của người khai	Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu (đối với người không có quốc tịch Việt Nam)	Mối quan hệ với người khai(1)	Chức vụ tại ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân….
I	**Người kê khai**			
1	Nguyễn Văn A		Người khai	
II	**Người có liên quan**			
2	Nguyễn Thị B		Vợ	

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm.....
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)(2)

Ghi chú:

(1) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(2) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

3. Thủ tục chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại Quỹ tín dụng nhân dân

3.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Hội đồng tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố;

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Hội đồng tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có văn bản xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi lấy ý kiến:

(i) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại đặt trụ sở chính về ảnh hưởng của việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân đối với sự ổn định kinh tế, xã hội trên địa bàn;

(ii) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại đặt trụ sở chính về việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn; danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại;

- Bước 4: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung được đề nghị;

- Bước 5: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận nguyên tắc việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân và chấp thuận danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới, quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính.

3.3. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-NHNN;

b) Phương án tổ chức lại theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 23/2018/TT-NHNN;

c) Nghị quyết của Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại thông qua:

(i) Phương án tổ chức lại;

(ii) Hợp đồng sáp nhập, hợp nhất đối với trường hợp quỹ tín dụng nhân dân thực hiện sáp nhập, hợp nhất;

(iii) Danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới, quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi);

(iv) Những nội dung thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận của quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập;

d) Báo cáo tài chính năm liền kề thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ.

Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán. Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới, quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi), trong đó bao gồm: họ và tên, chức danh hiện tại (nếu có) và chức danh dự kiến bầu, bổ nhiệm;

e) Tài liệu chứng minh năng lực của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới, quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi) gồm:

(i) Sơ yếu lý lịch cá nhân theo mẫu tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

(ii) Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật về lý lịch tư pháp. Phiếu lý lịch tư pháp phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm quỹ tín dụng nhân dân nộp hồ sơ tối đa 06 tháng;

(iii) Bảng kê khai người có liên quan của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

(iv) Các văn bằng, chứng chỉ của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm chứng minh về việc đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp văn bằng, chứng chỉ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan;

g) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định trên, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện sáp nhập, hợp nhất phải nộp hợp đồng sáp nhập, hợp nhất được Chủ tịch Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất ký. Hợp đồng sáp nhập, hợp nhất phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất; thủ tục sáp nhập, hợp nhất; cách thức, thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển đổi tài sản, thời hạn thực hiện sáp nhập, hợp nhất.

3.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

3.5. Thời hạn giải quyết: 60 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

3.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Quỹ tín dụng nhân dân.

3.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

3.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân và chấp thuận danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới, quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi).

3.9. Lệ phí: Không

3.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-NHNN;

- *Sơ yếu lý lịch cá nhân theo Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;*

- *Bản kê khai người có liên quan theo Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN*.

3.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phương án tổ chức lại có tính khả thi, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ giữa các bên có liên quan, được xây dựng và thông qua theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 23/2018/TT-NHNN;

- Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại (bao gồm cả quỹ tín dụng nhân dân không phải kiểm toán độc lập hằng năm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng) phải có báo cáo tài chính của năm liền kề đã được kiểm toán, trừ quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt;

- Quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về tỷ lệ góp vốn của thành viên; địa bàn hoạt động; phạm vi, nội dung hoạt động; tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc; các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động.

3.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

- Thông tư số 23/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân;

- Thông tư số 13/2019/TT-NHNN ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- *Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;*

PHỤ LỤC 01

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN
TỔ CHỨC LẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Kính gửi:

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số ……/20.../TT-NHNN ngày…….. tháng……. năm 20...của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân;

……..đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố…… xem xét và chấp thuận nội dung sau:

A. Nội dung đề nghị của quỹ tín dụng nhân dân

□ Chia □ Tách □ Sáp nhập □ Hợp nhất

B. Các quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại

I. Quỹ tín dụng nhân dân A

1. Số Giấy phép thành lập và hoạt động, ngày cấp Giấy phép.

2. Địa chỉ đặt trụ sở chính.

3. Vốn điều lệ (tính đến thời điểm gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân).

4. Năm thành lập.

5. Nội dung hoạt động.

6. Đại diện theo pháp luật của quỹ tín dụng nhân dân (họ và tên, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân).

7. Vai trò của quỹ tín dụng nhân dân trong việc tổ chức lại (bị chia/bị tách/nhận sáp nhập/sáp nhập/tham gia hợp nhất).

II. Quỹ tín dụng nhân dân B (nếu có):

(Nội dung tương tự như điểm I mục B Đơn này).

C. Quỹ tín dụng nhân dân hình thành sau tổ chức lại

I. Quỹ tín dụng nhân dân C:

1. Tên quỹ tín dụng nhân dân.

2. Địa chỉ dự kiến đặt trụ sở chính.

3. Vốn điều lệ dự kiến.

4. Nội dung hoạt động dự kiến.

II. Quỹ tín dụng nhân dân D (nếu có):

(Nội dung tương tự như điểm I mục C Đơn này).

D. Lý do tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân

Đ. Hồ sơ kèm theo

1. ……

2. ……

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị chấp thuận chia, tách, sáp nhập, hợp nhất.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước.

……, ngày…… tháng……. năm....
Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 13

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 02

Mẫu Sơ yếu lý lịch

Ảnh màu (4x6) đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh (nếu có).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú).
- Tên, địa chỉ pháp nhân; số vốn góp, tỷ lệ vốn góp (trường hợp là người đại diện vốn góp của pháp nhân).

2. Trình độ học vấn:

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay(1):

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)(2)	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú(3)

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính(4).

4. Năng lực hành vi dân sự(5)

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh…….tại Quỹ tín dụng nhân dân…….

- Thông báo cho quỹ tín dụng nhân dân về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đang xem xét đề nghị của Quỹ tín dụng nhân dân…….

- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho Quỹ tín dụng nhân dân…… để trình Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày... tháng... năm ....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)(6)

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tín dụng là hợp tác xã về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

(2) Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

(3) Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

(i) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

(ii) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

(iii) Đơn vị theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(4) Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm đ, h khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

(5) Ghi cụ thể: Đầy đủ/Hạn chế/Mất năng lực hành vi dân sự.

(6) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 14

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 03

Bảng kê khai người có liên quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh….

STT	Người khai và "người có liên quan" của người khai	Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân	Mối quan hệ với người khai(1)	Chức vụ tại quỹ tín dụng nhân dân đề nghị
I	**Người kê khai**			
1	Nguyễn Văn A		Người khai	
II	**Người có liên quan**			
2	Nguyễn Thị B		Vợ	

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm.....
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)(2)

Ghi chú:

(1) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(2) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

4. Thủ tục đề nghị chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân

4.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại, Hội đồng tổ chức lại gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại quy định. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh không nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ thì văn bản chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại không còn giá trị.

- Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ nêu trên, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Hội đồng tổ chức lại xác nhận về việc đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

(i) Ra quyết định chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân;

(ii) Cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép cho quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại.

Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính.

4.3. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản của Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại nêu rõ các nội dung thay đổi so với Phương án tổ chức lại đã gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đề nghị chấp thuận nguyên tắc (nếu có);

b) Nghị quyết của Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại thông qua các nội dung thay đổi tại Phương án tổ chức lại đã gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại (nếu có);

c) Hồ sơ đề nghị chấp thuận những nội dung thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đối với quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

d) Biên bản cuộc họp Đại hội thành viên đầu tiên quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới về việc:

(i) Bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách theo danh sách nhân sự dự kiến được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận;

(ii) Các nội dung khác theo quy định phải được các thành viên tham dự cuộc họp Đại hội thành viên đầu tiên biểu quyết thông qua theo đa số;

đ) Biên bản cuộc họp Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập về việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách theo danh sách nhân sự dự kiến được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận (nếu có thay đổi);

e) Quyết định của Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới, quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi) về việc bổ nhiệm Giám đốc theo danh sách nhân sự dự kiến được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận;

g) Danh sách các thành viên tham gia góp vốn tại quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại, có tối thiểu các nội dung sau:

(i) Họ và tên (đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hộ gia đình); Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính (đối với thành viên là pháp nhân);

(ii) Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hộ gia đình; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp đối với thành viên là pháp nhân;

(iii) Số tiền tham gia góp vốn, tỷ lệ góp vốn của từng thành viên.

4.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

4.5. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

4.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Quỹ tín dụng nhân dân.

4.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

4.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân và chấp thuận danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới, quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi).

4.9. Lệ phí: 100.000 đồng

4.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

3.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phương án tổ chức lại có tính khả thi, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ giữa các bên có liên quan, được xây dựng và thông qua theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 23/2018/TT-NHNN;

- Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại (bao gồm cả quỹ tín dụng nhân dân không phải kiểm toán độc lập hằng năm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng) phải có báo cáo tài chính của năm liền kề đã được kiểm toán, trừ quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt;

- Quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về tỷ lệ góp vốn của thành viên; địa bàn hoạt động; phạm vi, nội dung hoạt động; tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc; các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động.

3.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

- Thông tư số 23/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân;

- Thông tư số 13/2019/TT-NHNN ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Thông tư số 24/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;

- Thông tư 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

5. Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn và bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông thường; mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

5.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1**: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính.

- **Bước 2**: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

- **Bước 3**: Trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4**: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản báo cáo về việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính.

5.3. Thành phần hồ sơ:

1. Văn bản đề nghị do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Thông tin về bên bán, bên chuyển nhượng:

- Đối với cá nhân: Họ và tên; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

- Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(ii) Số cổ phần mua bán, chuyển nhượng, tổng giá trị cổ phần mua bán, chuyển nhượng theo mệnh giá;

(iii) Số cổ phần sở hữu, tổng giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng;

(iv) Ngày giao dịch dự kiến;

(v) Nội dung cam kết đã thông báo cho cổ đông, nhà đầu tư về quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung), bao gồm cả nghĩa vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; không được mua cổ phần của tổ chức tín dụng phi ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

2. Danh sách cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng cổ phần, trong đó nêu rõ:

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam).

(ii) Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(iii) Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi mua bán, chuyển nhượng cổ phần (trong đó nêu rõ số lượng cổ phần phổ thông và số lượng cổ phần ưu đãi).

5.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

5.5. Thời hạn giải quyết: 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng

5.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

5.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn và bên mua, bên nhận

chuyển nhượng dự kiến là cổ đông thường; mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

5.9. Lệ phí: Không

5.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

5.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

5.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

- Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- Thông tư số 27/2022/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

- Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

6. Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn và bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn; mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến việc trở thành cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

6.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1**: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính.

- **Bước 2**: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

- **Bước 3**: Trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4**: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản báo cáo về việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- Gửi qua dịch vụ bưu chính.

6.3. Thành phần hồ sơ:

1. Danh sách cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng cổ phần, trong đó nêu rõ:

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam).

(ii) Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

2. Văn bản đề nghị do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Thông tin về bên bán, bên mua, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng cổ phần:

- Đối với cá nhân: Họ và tên; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

- Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(ii) Số cổ phần mua bán, chuyển nhượng, tổng giá trị cổ phần mua bán, chuyển nhượng theo mệnh giá;

(iii) Số cổ phần sở hữu, tổng giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng;

(iv) Ngày giao dịch dự kiến;

(v) Nội dung cam kết đã thông báo cho cổ đông, nhà đầu tư về quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung), bao gồm cả nghĩa vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; không được mua cổ phần của tổ chức tín dụng phi ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.

3. Văn bản đề nghị mua, nhận chuyển nhượng cổ phần do người đại diện hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng ký.

4. Văn bản thỏa thuận, cam kết mua bán, chuyển nhượng cổ phần giữa bên bán với bên mua, bên chuyển nhượng với bên nhận chuyển nhượng.

5. Báo cáo dư nợ tín dụng đến thời điểm nộp hồ sơ của bên mua, bên nhận chuyển nhượng, trong đó tối thiểu gồm các thông tin về tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nhóm nợ và mục đích cấp tín dụng.

6. Bảng kê khai người có liên quan của bên mua, bên nhận chuyển nhượng theo mẫu quy định tại Phụ lục 15 đính kèm Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

7. Bảng kê khai số thuế đã nộp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng trong năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật.

8. Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương của bên mua, bên nhận chuyển nhượng.

9. Báo cáo tài chính của bên mua, bên nhận chuyển nhượng năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

6.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

6.5. Thời hạn giải quyết: 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức tín dụng phi ngân hàng

6.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

6.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn và bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn; mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến việc trở thành cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

6.9. Lệ phí: Không

6.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

6.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

6.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

- Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- Thông tư số 27/2022/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

- *Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.*

Phụ lục số 15

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục

Bảng kê khai người có liên quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thông tin người kê khai

2. Người có liên quan

STT	***Người có liên quan***	***Mối quan hệ với người khai***	***Tham gia góp vốn***	
			Tên tổ chức tín dụng	**Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Nguyễn Văn A	Người khai		
2.	Nguyễn Thị B	Vợ		
3.	Công ty X			
…				
Tổng cộng				% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (6)

(*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)*)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của cá nhân, tổ chức, bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú).

- Đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; nơi ở hiện tại.

- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;

- Địa chỉ;

- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (2): Liệt kê người khai và tất cả người có liên quan của người khai là cá nhân, tổ chức, bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, "Người có liên quan" tham chiếu theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung), quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2.2. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.3. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.4. Đối với phần kê khai tại (6): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu.

7. **Thủ tục Thủ tục đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân**

7.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Quỹ tín dụng nhân dân lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính;

- Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân bổ sung hồ sơ;

- Bước 3:

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

(i) Đối với trường hợp tăng mức vốn điều lệ: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với mức vốn điều lệ của Quỹ Tín dụng nhân dân;

(ii) Đối với trường hợp giảm mức vốn điều lệ: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản chấp thuận giảm mức vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân. Qũy tín dụng nhân dân chỉ được thực hiện phương án giảm vốn điều lệ sau khi được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố chấp thuận;

(iii) Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do."

- Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Quỹ tín dụng nhân dân phải thực hiện giảm vốn điều lệ và gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố thông báo đã hoàn tất việc giảm vốn điều lệ. Quá thời hạn này, Quỹ tín dụng nhân dân không thực hiện giảm vốn điều lệ, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hết hiệu lực;

- Bước 5: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo hoàn tất việc giảm vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với mức vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân.

7.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, tỉnh thành phố;

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

c) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước.

7.3. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ theo mẫu tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN;

b) Phương án tăng mức vốn điều lệ bao gồm tối thiểu các nội dung:

(i) Nguồn sử dụng để bổ sung vốn điều lệ;

(ii) Nguồn sử dụng để hoàn trả vốn góp cho thành viên và mức độ đáp ứng các điều kiện để hoàn trả vốn góp cho thành viên (nếu có);

c) Phương án giảm mức vốn điều lệ bao gồm tối thiểu các nội dung:

(i) Nguồn sử dụng để bổ sung vốn điều lệ (nếu có);

(ii) Nguồn sử dụng để hoàn trả vốn góp cho thành viên và mức độ đáp ứng các điều kiện để hoàn trả vốn góp cho thành viên;

(iii) Thời gian dự kiến hoàn thành việc giảm vốn điều lệ;

d) Nghị quyết của Đại hội thành viên bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

(i) Thay đổi mức vốn điều lệ;

(ii) Thông qua danh sách kết nạp thành viên mới, cho thành viên ra khỏi quỹ tín dụng nhân dân; quyết định khai trừ thành viên;

Trường hợp đề nghị chấp thuận giảm mức vốn điều lệ, mức vốn điều lệ đề nghị giảm phải phù hợp với các quy định của pháp luật về vốn pháp định và có các phương án đảm bảo quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân;

đ) Danh sách thành viên góp vốn và dự kiến được hoàn trả vốn trong năm theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN.

7.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

7.5. Thời hạn giải quyết:

- 20 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp tăng mức vốn điều lệ;

- 60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp giảm mức vốn điều lệ;

7.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Quỹ tín dụng nhân dân.

7.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

7.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với mức vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân.

7.9. Lệ phí: 100.000 đồng.

7.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ theo mẫu tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN;

- Danh sách thành viên góp vốn và dự kiến được hoàn trả vốn trong năm theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN.

7.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

7.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã;

+ Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân;

+ Thông tư số 22/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã;

+ Thông tư 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

Phụ lục số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh……

Ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân:.....

Tại Đại hội thành viên ngày…..tháng…..năm….. đã thông qua việc thay đổi mức vốn điều lệ. Nay đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ.

1. Tên tổ chức tín dụng là hợp tác xã:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Tên viết tắt:
- Tên bằng tiếng Anh (nếu có): Tên viết tắt (nếu có):
- Trụ sở chính tại (Địa chỉ trụ sở chính):
- Mức vốn điều lệ hiện tại:
- Địa chỉ email:

2. Mức vốn điều lệ dự kiến đề nghị chấp thuận:

.....

3. Lý do và sự cần thiết thay đổi:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân:.....cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

b) Sau khi được chấp thuận thay đổi, sẽ thực hiện đầy đủ và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật có liên quan, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm ....

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Mẫu danh sách kê khai thành viên góp vốn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ DỰ KIẾN ĐƯỢC HOÀN TRẢ VỐN TRONG NĂM…..

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh…

1. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Họ và tên/Tên tổ chức	Địa chỉ	Vốn góp xác lập tư cách thành viên		Vốn góp bổ sung		Tổng
			Số tiền	Thời điểm góp	Số tiền	Thời điểm góp	

2. Danh sách thành viên dự kiến được hoàn trả vốn

STT	Họ và tên/Tên tổ chức	Địa chỉ	Tổng số vốn góp (Số tiền)	Số vốn dự kiến hoàn trả (Số tiền)	Số vốn góp còn lại dự kiến (Số tiền)

Ngân hàng hợp tác xã/Quỹ tín dụng nhân dân:.....cam kết:

Các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày... tháng... năm ....

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu)

C. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

Thủ tục chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1**: Chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư số 22/2018/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 2 Thông tư số 13/2019/TT-NHNN (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước).

+ **Bước 2**: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung hồ sơ.

+ **Bước 3**: Chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn tối đa 45 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ. Quá thời hạn này, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nộp lại bộ hồ sơ theo quy định để Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận.

+ **Bước 4**: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Trường hợp không chấp thuận, văn bản trả lời chi nhánh ngân hàng nước ngoài nêu rõ lý do).

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

+ Gửi qua dịch vụ bưu chính;

- Thành phần hồ sơ:

1. Văn bản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận dự kiến bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh tại Việt Nam do Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký; trường hợp Tổng giám đốc (Giám đốc) ủy quyền cho người khác ký văn bản, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật; trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), đại diện có thẩm quyền của ngân hàng nước ngoài ký văn bản này, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau: a) Lý do của việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; *b) Họ và tên; chức danh và đơn vị công tác hiện tại; số Chứng minh nhân dân hoặc số*

định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến được bổ nhiệm; c) Đánh giá về việc Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến được bổ nhiệm đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó đánh giá cụ thể việc đáp ứng đối với từng điều kiện.

2. Văn bản của đại diện có thẩm quyền của ngân hàng nước ngoài thông qua việc dự kiến bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

3. Lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

Việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên cơ sở khai thác dữ liệu cư trú của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc kiểm tra ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm: a) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã; b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì ngân hàng nước ngoài phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng; c) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm chi nhánh ngân hàng nước ngoài nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng.

5. *Bản kê khai người có liên quan của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo Phụ lục số 17 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.*

6. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó văn bằng của người có quốc tịch Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng quy định tại điểm d khoản 4 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể: a) Đối với điều kiện "có ít nhất 5 năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng": (i) Nội dung Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định về người điều hành; (ii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại tổ chức tín dụng của nhân sự. b) Đối với điều kiện "có ít nhất 5 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 5 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán": (i) Bản sao các báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc); (ii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại doanh nghiệp của nhân sự; (iii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự tại lĩnh vực này. c) Đối với điều kiện "có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán": Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự tại lĩnh vực này.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Chi nhánh ngân hàng nước ngoài

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)/Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Lệ phí: không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Mẫu sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN;

+ Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục số 17 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật các tổ chức tín dụng, cụ thể: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng; b) Có đạo đức nghề nghiệp; c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; d) Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; đ) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/9/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

+ Thông tư số 13/2019/TT-NHNN ngày 21/8/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

+ Thông tư số 13/2020/TT-NHNN ngày 13/11/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

+ Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

Phụ lục số 16

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 01

Mẫu Sơ yếu lý lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu (4x6) đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch

SƠ YẾU LÝ LỊCH(1)

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh.
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam.
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.
- Tên, địa chỉ của pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông hoặc thành viên góp vốn là pháp nhân hoặc là người được cử làm đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng).

2. Trình độ học vấn

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay (2).

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) (3)	Đơn vị công tác	Chức vụ(4)	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú (5)

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính(6).

4. Năng lực hành vi dân sự(7)

4a. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh … tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Thông báo cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai này phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của ... (tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

- Các thông tin cá nhân Tôi cung cấp cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để trình Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Chữ ký và họ tên đầy đủ của người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)(8)

Ghi chú:

1. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

2. Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

3. Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

4. Nêu rõ nếu nhân sự là người quản lý, người điều hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp.

5. Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

a) Công ty con của tổ chức tín dụng;

b) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

c) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

d) Đơn vị theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);

6. Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm đ, h khoản 1 Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung).

7. Ghi cụ thể: đầy đủ/hạn chế/mất năng lực hành vi dân sự.

8. Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết)

Phụ lục số 17

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phụ lục số 02

Bảng kê khai người có liên quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và "người có liên quan" của người khai	Mối quan hệ với người khai(1)	Số Chứng minh nhân dân/số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam) hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam)	Chức vụ tại tổ chức tín dụng đề nghị	Chức vụ tại Công ty con của tổ chức tín dụng đề nghị	Tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp đại diện tại tổ chức tín dụng đề nghị (%)	…
1	Nguyễn Văn A	Người khai					
2	Nguyễn Thị B	Vợ					
…							

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm.....
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)(2)

Ghi chú:

(1) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan tại cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 28 Điều 4, khoản 2 Điều 62 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung) và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(2) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

(Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết).